



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 27+28

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10-6-2020	Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	3
16-6-2020	Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ban hành Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	51

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

22-5-2020	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên UBND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2020	55
22-5-2020	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên UBND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2020	56
22-5-2020	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên UBND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2020	57
22-5-2020	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2020	58

22-5-2020	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đắk Lắk	59
22-5-2020	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk	69
22-5-2020	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk	72
22-5-2020	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7	75
22-5-2020	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông liên xã Ia lớp - Ia Rvê, huyện Ea Súp (đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rvê)	78
22-5-2020	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương và quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cư Elang, huyện Ea Kar	81
22-5-2020	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn huyện Krông Pắc	84
22-5-2020	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư dự án; bổ sung danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương	87
22-5-2020	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án mở rộng, nâng cấp tỉnh lộ 2, đoạn từ Km0-Km6+431, thành phố Buôn Ma Thuột	91
22-5-2020	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư dự án Định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	94
22-5-2020	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thị trấn Quảng Phú huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại IV	97

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 19/2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Thực hiện Công văn số 263/HĐND-VP ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 756/STC-QLG&CS ngày 26/3/2020 và Công văn số 1240/STC-QLG&CS ngày 13/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định này áp dụng đối với:

- a) Các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế;
- b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị.

4. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản của Nhà nước có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp y tế căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị y tế chuyên dùng quy định tại Quyết định này để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị và chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý và sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo định mức và quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Giao Sở Tài chính và Sở Y tế kiểm tra, rà soát và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 6 năm 2020./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế***(Kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Tên đơn vị/Chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÙNG TÂY NGUYÊN		
I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
1	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	8
2	Máy X-Quang di động	Máy	10
3	Máy X-Quang C Arm	Máy	4
4	Hệ thống CT-Scanner < 64 lát cắt/ vòng quay	Hệ thống	3
5	Hệ thống CT-Scanner 64 – 128 lát cắt/ vòng quay	Hệ thống	2
6	Hệ thống CT-Scanner ≥ 256 lát cắt/ vòng quay	Hệ thống	1
7	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	2
8	Hệ thống chụp mạch số hóa nền (DSA)	Hệ thống	2
9	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	11
10	Máy siêu âm tổng quát	Máy	12
11	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	5
12	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	3
13	Máy thận nhân tạo	Máy	60
14	Máy thở	Máy	141
15	Máy gây mê	Máy	18
16	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	245
17	Bơm tiêm điện	Cái	677
18	Máy truyền dịch	Máy	677
19	Dao mổ điện cao tần	Cái	19
20	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	15
21	Máy phá rung tim	Máy	21
22	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	1
23	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	16
24	Đèn mổ treo trần	Cái	16
25	Đèn mổ di động	Cái	3
26	Bàn mổ	Cái	16
27	Máy điện tim	Máy	23
28	Máy điện não	Máy	3
29	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	6
30	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	2
31	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2
32	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
33	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
34	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	17
35	Thiết bị xạ trị	Cái	1
36	Thiết bị xạ hình	Cái	1
37	Hệ thống chụp hình cắt lớp photon đơn (SPECT, SPECT/CT)	Hệ thống	1

	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bàn đẻ	Cái	8
	2	Bộ cắt Amidan	Bộ	4
	3	Bộ chuẩn liều tự động	Bộ	2
	4	Bộ dụng cụ khám răng	Bộ	4
	5	Bộ dụng cụ cắt búi trĩ	Bộ	1
	6	Bộ dụng cụ nhuộm	Bộ	1
	7	Bộ dụng cụ nội soi cắt túi mật và sản khoa	Bộ	5
	8	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung phẫu	Bộ	5
	9	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu ngoại tổng quát	Bộ	4
	10	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống cổ	Bộ	4
	11	Bộ dây điện cực điện não	Bộ	6
	12	Bộ đại phẫu	Bộ	8
	13	Bể cách thủy	Cái	2
	14	Bộ gấp phá sỏi bàng quang	Bộ	1
	15	Bàn hơi tiêu bản	Cái	1
	16	Bộ dụng cụ khám mắt	Bộ	3
	17	Bộ kèm kẹp ruột	Bộ	3
	18	Bộ khoan sọ não tự dừng	Bộ	4
	19	Bộ khoan xương chũm	Bộ	3
	20	Bộ mở khí quản	Bộ	4
	21	Bộ dụng cụ mổ nội soi	Bộ	6
	22	Bộ dụng cụ mổ sọ não	Bộ	3
	23	Bộ hỗ trợ thở áp lực dương	Bộ	13
	24	Bồn đun parafin	Cái	2
	25	Bộ phẫu thuật chỉnh hình	Bộ	4
	26	Bộ phẫu thuật cột sống	Bộ	2
	27	Bộ phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít	Bộ	3
	28	Bộ phẫu thuật mắt	Bộ	4
	29	Bộ phẫu thuật mạch vành	Bộ	1
	30	Bộ phẫu thuật nội soi mũi xoang	Bộ	4
	31	Bộ phẫu thuật nội soi tổng quát	Bộ	3
	32	Bộ phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản	Bộ	2
	33	Bộ phẫu thuật tim	Bộ	2
	34	Bộ phẫu thuật tai và nhĩ	Bộ	3
	35	Bộ phẫu thuật tim trẻ em	Bộ	2
	36	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực trẻ em	Bộ	2
	37	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực người lớn	Bộ	2
	38	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu nhi	Bộ	1
	39	Bộ phẫu thuật thoát vị đĩa đệm	Bộ	2
	40	Bồn rửa tay tiết trùng	Cái	28
	41	Bộ soi khám thủ thuật bàng quang niệu đạo	Bộ	3
	42	Bộ soi tá tràng	Bộ	2
	43	Bộ soi trực tràng	Bộ	4

44	Bơm tiêm chất cản quang	Cái	6
45	Bộ tiểu phẫu	Bộ	8
46	Bộ tán sỏi niệu quản ngược dòng	Bộ	3
47	Bộ dụng cụ phẫu thuật ngực	Bộ	1
48	Bộ dụng cụ vi phẫu mạch máu	Bộ	3
49	Bộ dụng cụ vi phẫu thuật	Bộ	3
50	Bộ dụng cụ cắt tử cung đường âm đạo	Bộ	3
51	Bộ vi phẫu thuật dùng trong mổ não và U não	Bộ	2
52	Bộ dụng cụ mổ cột sống cổ lối trước	Bộ	2
53	Bộ dụng cụ mổ cột sống cổ lối sau	Bộ	2
54	Bộ dụng cụ mổ thoát vị đĩa đệm cổ	Bộ	2
55	Bộ dụng cụ bơm xi măng cột sống ngực và lưng	Bộ	2
56	Bộ dụng cụ mổ bắt vít qua da cột sống lưng	Bộ	2
57	Bộ dụng cụ vi phẫu mổ U tùy cổ	Bộ	2
58	Bộ dụng cụ chọc FNA	Bộ	1
59	Bộ bàn ghế đo khúc xạ	Bộ	2
60	Bồn chứa Oxy lỏng 12m ³	Cái	2
61	Bơm dự phòng của máy tuần hoàn ngoài cơ thể	Cái	2
62	Ống soi mềm đặt nội khí quản khó	Cái	2
63	Hệ thống phẫu thuật nội soi chấn thương chỉnh hình + dụng cụ	Hệ thống	3
64	Bộ dụng cụ phẫu thuật ruột thừa – Túi mật	Bộ	10
65	Bộ dụng cụ phẫu thuật Thận – Niệu quản – Bàng quang	Bộ	10
66	Bộ dụng cụ phẫu thuật dẫn lưu màng phổi	Bộ	3
67	Bộ dụng cụ phẫu thuật thoát vị bẹn	Bộ	3
68	Bộ dụng cụ cắt tử cung đường bụng	Bộ	3
69	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh Nhi	Bộ	1
70	Bộ dụng cụ phẫu thuật tuyến giáp	Bộ	4
71	Bộ dụng cụ phẫu thuật vách ngăn	Bộ	3
72	Bộ dụng cụ phẫu thuật thay khớp gối	Bộ	3
73	Bộ dụng cụ phẫu thuật thay khớp vai	Bộ	3
74	Bộ dụng cụ phẫu thuật thay khớp háng	Bộ	3
75	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi dây chằng khớp gối	Bộ	3
76	Đèn đặt nội khí quản có màn hình Camera	Cái	5
77	Bộ dụng cụ phẫu thuật vi phẫu mạch máu CTCH	Bộ	4
78	Bộ dụng cụ phẫu thuật CTCH chi dưới	Bộ	5
79	Bộ dụng cụ phẫu thuật CTCH chi trên	Bộ	5
80	Bộ dụng cụ phẫu thuật CTCH đại phẫu	Bộ	4
81	Bảng kiểm tra thị lực điện tử	Cái	2
82	Bàn phẫu thuật mắt chuyên dụng	Cái	5
83	Buồng điều trị Oxy cao áp	Buồng	1
84	Khoan gia tốc dùng khoan sọ, cửa sọ, cắt sọ	Cái	2
85	Cần nội soi dạ dày phóng đại	Cái	3
86	Cần nội soi đại tràng phóng đại	Cái	2
87	Dao cắt đốt siêu âm	Cái	2

88	Đèn soi đáy mắt	Cái	4
89	Đèn điều trị vàng da	Cái	14
90	Doppler mạch máu	Cái	12
91	Doppler tim thai	Cái	20
92	Ghế cắt amidan	Cái	3
93	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	Cái	3
94	Ghế máy nha khoa	Cái	10
95	Giường sưởi ấm sơ sinh	Cái	21
96	Giường sưởi ấm sơ sinh di động	Cái	4
97	Hệ thống chụp ảnh và phân tích gel	Hệ thống	2
98	Máy cắt đốt	Máy	11
99	Hệ thống chụp mạch huỳnh quang mắt	Hệ thống	2
100	Hệ thống điện di	Hệ thống	2
101	Hệ thống định vị trong phẫu thuật cột sống - sọ não	Hệ thống	1
102	Hệ thống laser quang đông	Hệ thống	2
103	Hệ thống máy tiết trùng khí EO	Hệ thống	2
104	Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch	Hệ thống	2
105	Hệ thống phẫu thuật mắt phaco	Hệ thống	2
106	Hệ thống tập phục hồi chức năng	Hệ thống	3
107	Hệ thống thở áp lực dương	Hệ thống	10
108	Hệ thống thở áp lực dương liên tục	Hệ thống	6
109	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	Hệ thống	1
110	Hệ thống Monitoring trung tâm	Hệ thống	2
111	Hệ thống khám và điều trị TMH	Hệ thống	2
112	Hệ thống xử lý nước máy thận nhân tạo RO	Hệ thống	4
113	Hệ thống máy quét phim CR kỹ thuật số	Hệ thống	3
114	Hệ thống xử lý DR X – quang kỹ thuật số	Hệ thống	3
115	Hệ thống X – Quang răng toàn cảnh	Hệ thống	1
116	Hệ thống nội soi siêu âm	Hệ thống	1
117	Hệ thống Laser điều trị tật khúc xạ (bao gồm Laser Excimer và Femtosecond laser với phương pháp Relex Smile)	Hệ thống	1
118	Hệ thống Cobas 8000	Hệ thống	2
119	Hệ thống dây chuyền chuyển mẫu tự động	Hệ thống	1
120	Hệ thống Reatime PCR tự động	Hệ thống	1
121	Hệ thống tách chiết tế bào gốc	Hệ thống	1
122	Hệ thống triển khai bệnh án điện tử	Hệ thống	1
123	Hệ thống Pacs lưu trữ và truyền tải hình ảnh	Hệ thống	1
124	Kính hiển vi xét nghiệm	Cái	11
125	Kính hiển vi chụp hình	Cái	4
126	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	2
127	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	7
128	Kính hiển vi - vi phẫu thuật	Cái	2
129	Kính hiển vi phẫu thuật tai	Cái	4
130	Kính sinh hiển vi khám mắt	Cái	7

131	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Cái	1
132	Kính vi phẫu thuật chuyên dùng cho ngoại thần kinh	Cái	1
133	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	17
134	Máy đo bản đồ giác mạc	Máy	1
135	Máy IOL Master (đo công suất T3)	Máy	1
136	Máy hấp dụng cụ Statim	Máy	1
137	Máy đếm tế bào nội mô	Máy	1
138	Monitor theo dõi bệnh nhân có chức năng đo độ mê sâu	Cái	4
139	Máy giặt	Máy	10
140	Máy siêu âm 4D chuyên Sản	Máy	1
141	Máy siêu âm đầu dò âm đạo	Máy	2
142	Máy cắt lát vi thể	Máy	3
143	Máy cất nước	Máy	2
144	Máy cưa thạch cao	Máy	5
145	Máy theo dõi SVO2, HCT, SaO2	Máy	1
146	Máy chụp cắt lớp võng mạc OCT	Máy	2
147	Máy cất lạnh	Máy	2
148	Máy cắt vi phẫu	Máy	4
149	Máy cưa xương ức	Máy	2
150	Máy cưa xương	Máy	5
151	Máy đốt điện cổ tử cung	Máy	3
152	Máy đo độ lắng máu	Máy	3
153	Máy đo độ đông máu tự động	Máy	4
154	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	5
155	Máy đo khí máu	Máy	6
156	Máy đo khúc xạ tự động	Máy	3
157	Máy đo điện não	Máy	3
158	Máy đo khúc xạ giác mạc tự động	Máy	3
159	Máy đốt laser	Máy	3
160	Máy đo liều phóng xạ	Máy	3
161	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	Máy	20
162	Máy đo thính lực	Máy	4
163	Máy đo độ loãng xương	Máy	2
164	Máy điều trị sóng ngắn và sóng liên tục	Máy	5
165	Máy điện xung	Máy	5
166	Máy garo tự động	Máy	5
167	Máy hút điện	Máy	62
168	Máy hút điện áp lực thấp	Máy	19
169	Máy kéo cột sống	Máy	5
170	Máy kéo cột sống cổ + lưng	Máy	4
171	Máy kích thích điện	Máy	8
172	Máy khuấy từ gia nhiệt	Máy	2
173	Máy khoan xương CT-CH	Máy	6
174	Máy khoan kết hợp xương hàm mặt	Máy	3

175	Máy lấy cao răng	Máy	3
176	Máy laser điều trị tăng nhãn áp	Máy	3
177	Máy lọc máu	Máy	9
178	Máy lọc máu liên tục	Máy	4
179	Máy ly tâm	Máy	17
180	Máy ly tâm lạnh	Máy	3
181	Máy điều trị bằng nhiệt + rung + từ	Máy	4
182	Máy nghe tim thai	Máy	10
183	Máy phân tích máu tự động	Máy	3
184	Máy xúc rửa dạ dày	Máy	4
185	Máy rửa màng lọc thận tự động	Máy	10
186	Máy rửa màng lọc thận thủ công	Máy	1
187	Máy rửa sấy tiệt trùng dụng cụ	Máy	3
188	Máy siêu âm mắt	Máy	2
189	Máy siêu âm trị liệu	Máy	5
190	Máy hủy U tuyến giáp bằng sóng cao tần (RFA)	Máy	1
191	Máy phân tích sinh hóa bán tự động	Máy	1
192	Máy phân tích sinh hóa tự động AU 680	Máy	2
193	Máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang tự động	Máy	2
194	Máy miễn dịch Elisa tự động	Máy	2
195	Máy đếm tế bào huyết học tự động	Máy	2
196	Máy điện di mao quản tự động	Máy	1
197	Máy định danh vi khuẩn tự động Vitek II	Máy	1
198	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình cân quang	Máy	5
199	Máy hấp tiệt trùng Sterat dung tích 173L	Máy	1
200	Máy cấy máu tự động Bactsalert 3D 120	Máy	1
201	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Máy	1
202	Máy sấy lam	Máy	3
203	Máy siêu âm mạch máu xách tay	Máy	2
204	Máy sấy đồ vải	Máy	6
205	Máy holter theo dõi tim mạch 24h	Máy	10
206	Máy thu gom thành phần máu tự động	Máy	3
207	Máy Tạo Nhịp Tim Ngoài Cơ Thể	Máy	4
208	Máy tạo nhịp tạm thời 2 buồng	Máy	6
209	Máy tạo nhịp tạm thời 1 buồng	Máy	6
210	Máy điều trị suy giãn tĩnh mạch bằng sóng cao tần (RFA)	Máy	2
211	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy	1
212	Máy Laser nội mạch không xâm lấn	Máy	2
213	Máy tạo oxy 15L/phút	Máy	2
214	Máy tán sỏi trong gan	Máy	2
215	Máy ủ nhiệt	Máy	4
216	Máy vùi mô tự động	Máy	3
217	Máy xử lý mô tự động	Máy	3
218	Máy xét nghiệm ion đồ	Máy	4

219	Máy xét nghiệm máu 18 thông số	Máy	2
220	Máy xét nghiệm máu 26 thông số	Máy	4
221	Máy xét nghiệm PCR	Máy	2
222	Máy hạ thân nhiệt Thermogard XP	Máy	2
223	Máy thận HDF online	Máy	4
224	Máy thăm dò và đốt điện sinh lý	Máy	1
225	Máy đo ABI (đo độ xơ vữa mạch máu và vận tốc sóng mạch)	Máy	1
226	Máy hấp tiết trùng	Máy	20
227	Máy hấp tiết trùng nhiệt độ thấp Sterat dung tích 173L	Máy	1
228	Máy bơm nước rửa qua kênh nội soi	Máy	1
229	Máy đo nhĩ lượng đồ	Máy	1
230	Máy đo phản xạ cơ bàn đạp	Máy	1
231	Máy đốt cao tần cầm máu	Máy	1
232	Máy là công nghiệp(Ø500 x 2500)mm	Máy	1
233	Máy đóng gói	Máy	2
234	Máy ủ ép đa năng	Máy	3
235	Máy là bằng hơi nước	Máy	3
236	Máy bơm CO2	Máy	1
237	Máy gây mê kiểm soát nồng độ đích (TCI)	Máy	5
238	Máy theo dõi chức năng não (độ mê sâu, oxy não, PVI, SpHb)	Máy	5
239	Máy đo độ bão hòa oxy để bàn	Máy	20
240	Máy giảm đau bệnh nhân tự điều khiển (PCA)	Máy	5
241	Máy siêu âm thần kinh mạch máu	Máy	3
242	Máy cắt đốt và hàn mạch máu	Máy	5
243	Máy cắt đốt siêu âm + tay dao	Máy	2
244	Máy đo độ giãn cơ	Máy	10
245	Máy dò kích thích thần kinh cơ	Máy	5
246	Máy đo độ tồn dư dẫn cơ	Máy	20
247	Máy thử ACT	Máy	1
248	Máy thử khí máu	Máy	1
249	Máy tuần hoàn ngoài cơ thể	Máy	1
250	Máy lấy da	Máy	1
251	Máy cắt lọc hoại tử bằng sóng siêu âm	Máy	1
252	Máy tán sỏi Laser 100w	Máy	1
253	Hệ thống nội soi bằng quang chẩn đoán Karl Storz	Hệ thống	1
254	Hệ thống nội soi bóc bóc tuyến tiền liệt	Hệ thống	1
255	Hệ thống nội soi ống mềm niệu quản, bể thận	Hệ thống	1
256	Bộ nội soi lấy sỏi thận qua da đường hầm nhỏ	Bộ	1
257	Súng sinh thiết	Cái	5
258	Tủ lạnh âm độ sâu	Cái	4
259	Tủ làm ẩm dịch truyền	Cái	4
260	Tủ an toàn sinh học	Cái	8
261	Tủ dụng cụ	Cái	6
262	Tủ hút vô trùng	Cái	5

	263	Tủ sấy	Cái	6
	264	Tủ trữ máu	Cái	5
	265	Tủ thao tác PCR	Cái	2
	266	Xe đựng thuốc và dụng cụ gây mê chuyên dụng	Xe	20
	267	Xe tiêm thuốc đa năng có màn hình	Xe	50
	268	Máy điện tim gắng sức	Máy	2
	269	Holter điện tim 24h	Cái	18
	270	Holter huyết áp 24h	Cái	19
2	BỆNH VIỆN MẮT			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Bàn mổ		
	a	Bàn mổ đa năng	Cái	1
	b	Bàn mổ đục thủy tinh thể	Cái	1
	c	Bàn phẫu thuật mắt	Cái	1
	2	Đèn mổ		
	a	Đèn mổ 4 bóng	Cái	2
	b	Đèn mổ di động	Cái	2
	3	Máy gây mê giúp thở	Máy	5
	4	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	Máy	1
	5	Máy phân tích sinh hoá bán tự động	Máy	1
	6	Hệ thống máy Phaco	Hệ thống	1
	7	Máy mổ phaco	Máy	1
	8	Hệ thống mổ phaco Centurion	Hệ thống	1
	9	Máy xét nghiệm 11 thông số nước tiểu	Máy	1
	10	Máy li tâm 8 ống	Máy	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Sinh hiển vi khám mắt	Cái	4
	2	Cụm Kính vol, godman và điện di giác mạc	Cái	1
	3	Đèn soi đáy mắt (6 chức năng)	Cái	1
	4	Hệ thống chụp mạch huỳnh quang đáy mắt	Hệ thống	1
	5	Hệ thống dây nối tây cầm Ozil Torsional Phaco	Hệ thống	1
	6	Hệ thống Labor inox dùng rửa tay tiết trùng trong phòng mổ	Hệ thống	1
	7	Hệ thống laser quang đông võng mạc	Hệ thống	1
	8	Hệ thống mài trơn, định tâm, dò gọng tự động	Hệ thống	1
	9	Hệ thống máy chụp hình võng mạc (OTC)	Hệ thống	1
	10	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	1
	11	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	6
	12	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Cái	2
	13	Lasser YAG	Cái	1
	14	Máy chụp cắt lớp võng mạc	Máy	1
	15	Máy đếm tế bào nội mô giác mạc	Máy	1
	16	Máy đo công suất thủy tinh thể	Máy	1
	17	Máy đo khúc xạ giác mạc tự động	Máy	1
	18	Máy đo thị trường	Máy	1

	19	Máy monitor theo dõi bệnh nhân (có chức năng khi theo dõi khí mê)	Máy	1
	20	Máy siêu âm mắt A/B	Máy	1
	21	Máy sinh hiểm vi kẹp bàn	Máy	1
	22	Máy đo khúc xạ tự động	Máy	1
	23	Máy siêu âm mắt	Máy	1
3	BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X- Quang kỹ thuật số	Máy	2
	2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2
	3	Máy xét nghiệm sinh hoá các loại	Máy	2
	4	Máy gây mê	Máy	1
	5	Máy truyền dịch	Máy	1
	6	Đèn mổ treo trần	Cái	1
	7	Bàn mổ	Cái	1
	8	Máy điện tim	Máy	1
	9	Hệ thống nội soi tiêu hoá	Hệ thống	2
	10	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	11	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	2
	2	Máy xét nghiệm huyết học tự động 22 thông số	Máy	1
	3	Máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu	Máy	1
	4	Máy điện giải đồ 5 thông số	Máy	1
	5	Máy đo độ loãng xương toàn thân bằng tia X	Máy	1
	6	Máy đo HBA1C	Máy	1
	7	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Máy	2
	8	Máy ly tâm máu	Máy	2
	9	Máy Monitor	Máy	2
	10	Máy rửa phim X- Quang tự động	Máy	1
	11	Hệ thống xử lý X-Quang kỹ thuật số	Hệ thống	1
	12	Hệ thống sắc thuốc sử dụng nồi hơi trung tâm	Hệ thống	1
	13	Máy kéo dẫn cổ, cột sống	Máy	2
	14	Hệ thống máy kéo giãn cột sống: cổ lưng và ngực	Hệ thống	1
	15	Máy kéo cột sống	Máy	1
	16	Thiết bị laser nội mạch	Cái	3
	17	Thiết bị laser bán dẫn nội mạch	Cái	3
	18	Máy laser nội mạch 2 đầu phát	Máy	7
	19	Máy từ trường điều trị	Máy	4
	20	Máy siêu âm	Máy	4
	21	Máy sinh hiểm vi	Máy	1
	22	Máy tạo oxy 5 lít/phút	Máy	1
	23	Máy đo nồng độ bão hòa oxy	Máy	2
	24	Máy điện phân điện xung 2 kênh	Máy	2
	25	Máy điện xung	Máy	5

	26	Máy plasma phẫu thuật	Máy	1
4	TRUNG TÂM HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy đo Hemoglobin	Máy	10
	2	Máy li tâm	Máy	9
	3	Kính hiển vi	Máy	6
	4	Máy ly tâm lạnh	Máy	2
	5	Tủ lạnh âm	Cái	2
	6	Tủ trữ máu	Cái	2
	7	Máy hấp tiệt trùng	Máy	1
	8	Máy miễn dịch hồng cầu tự động	Máy	1
	9	Hệ thống đông máu tự động và thiết bị Lab xét nghiệm huyết học	Hệ thống	1
	10	Dàn Elisa	Cái	1
	11	Máy lắc dạng bập bênh	Máy	3
	12	Tủ an toàn sinh học	Cái	1
	13	Tủ đông nhanh huyết tương	Cái	1
5	BỆNH VIỆN TÂM THẦN			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	1
	2	Máy điện não	Máy	2
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy lưu huyết não	Máy	1
	2	Máy li tâm 8 ống	Máy	1
	3	Máy phân tích điện giải đồ	Máy	1
	4	Máy phân tích huyết học tự động	Máy	1
	5	Máy phân tích nước tiểu	Máy	1
	6	Máy tạo oxy khí trời	Máy	1
6	BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
	2	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1
	3	Máy siêu âm		
	a	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
	b	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3
	4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	3
	5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	6	Máy thở	Máy	10
	7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	10
	8	Bơm tiêm điện	Cái	25
	9	Máy truyền dịch	Máy	25
	10	Máy điện tim	Máy	2

	11	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	4
	2	Máy đo điện giải đồ	Máy	1
	3	Máy hút dịch	Máy	4
	4	Máy khí máu	Máy	1
	5	Máy lắc ống nghiệm	Máy	5
	6	Máy ly tâm	Máy	2
	7	Máy ly tâm lạnh	Máy	2
	8	Máy nuôi cấy lao	Máy	2
	9	Máy sấy tiêu bản	Máy	2
	10	Máy xét nghiệm HbA1c	Máy	1
	11	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	2
	12	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	1
	13	Máy Xpert	Máy	1
	14	Tủ âm y tế	Cái	3
	15	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	5
	16	Tủ lạnh âm sâu	Cái	2
	17	Hệ thống nội soi màng phổi	Hệ thống	1
	18	Máy xử lý mô dạng đứng, khép kín 300 cassettes	Máy	1
	19	Máy cắt mô bệnh phẩm	Máy	1
	20	Máy cắt lạnh	Máy	1
	21	Máy in lên cassette	Máy	1
	22	Máy in lên slide	Máy	1
	23	Máy nhuộm tế bào	Máy	1
	24	Máy dán lamien (liên hoàn kết hợp với máy nhuộm tế bào)	Máy	1
	25	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Cái	1
	26	Kính hiển vi quang học kèm camera chụp ảnh / truyền kỹ thuật số	Cái	1
	27	Máy quét tiêu bản (công suất quét 5 lam kính /1 lần nạp)	Máy	1
7	TRUNG TÂM PHÁP Y			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bộ dụng cụ mô tử thi	Bộ	1
	2	Cửa điện	Cái	4
	3	Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính	Cái	1
	4	Kính hiển vi	Cái	2
	5	Máy đúc bệnh phẩm	Máy	1
	6	Máy cắt tiêu bản	Máy	1
	7	Máy li tâm	Máy	1
	8	Máy X-Quang	Máy	1
	9	Tủ lạnh lưu giữ xác 2 ngăn	Cái	1
	10	Tủ sấy	Cái	2
	11	Máy hút âm	Máy	1
	12	Máy nước nóng làm xét nghiệm	Máy	1

	13	Máy vui mô	Máy	1
	14	Máy xử lý mô tự động có ly tâm đảo chiều	Máy	1
8		TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐẮK LẮK		
	BỘ PHẬN Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang	Máy	1
	2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2
	3	Máy điện tim	Máy	1
	4	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bộ cất béo	Bộ	1
	2	Bộ cô quay chân không	Bộ	1
	3	Bộ chiết pha rắn	Bộ	1
	4	Bộ dụng cụ siêu âm	Bộ	1
	5	Bộ làm test áp bì	Bộ	1
	6	Bộ lấy mẫu khí	Bộ	1
	7	Bộ lọc mẫu vi sinh 3 vị trí	Bộ	1
	8	Bộ phân phối môi trường	Bộ	1
	9	Bộ sắc ký	Bộ	2
	10	Bơm chân không	Cái	1
	11	Buồng cách âm	Buồng	1
	12	Burette chuẩn độ hiện số	Cái	1
	13	Giàn Elisa	Cái	2
	14	Hệ thống buồng lạnh bảo quản vắc xin	Hệ thống	1
	15	Hệ thống lò quang phổ hấp thụ nguyên tử	Hệ thống	2
	16	Hệ thống PCR	Hệ thống	1
	17	Máy cất béo	Máy	1
	18	Máy cất nước	Máy	3
	19	Máy chưng cất đậm	Máy	1
	20	Máy đập mẫu	Máy	1
	21	Máy đếm khuẩn lạc	Máy	1
	22	Máy đo ánh sáng	Máy	2
	23	Máy đo bụi điện tử số	Máy	1
	24	Máy đo bụi trọng lượng	Máy	1
	25	Máy đo bức xạ Ion	Máy	1
	26	Máy đo cường độ bức xạ nhiệt	Máy	1
	27	Máy đo cường độ điện từ trường dòng điện công nghiệp	Máy	1
	28	Máy đo Chlorin dư	Máy	1
	29	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	1
	30	Máy đo điện từ trường tần số Radio	Máy	1
	31	Máy đo độ đục	Máy	1
	32	Máy đo độ đường	Máy	1
	33	Máy đo độ nhớt	Máy	2
	34	Máy đo độ ồn có phân tích dãy tần	Máy	2

35	Máy đo độ rung	Máy	1
36	Máy đo nồng độ bụi bằng Laser	Máy	1
37	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm cầm tay	Máy	2
38	Máy đo oxy hòa tan	Máy	2
39	Máy đo pH	Máy	4
40	Máy đo phóng xạ	Máy	1
41	Máy đo tiếng ồn	Máy	1
42	Máy đo tốc độ gió	Máy	2
43	Máy đo từ trường	Máy	1
44	Máy đo tỷ trọng	Máy	1
45	Máy đo thính lực	Máy	3
46	Máy đồng nhất mẫu	Máy	1
47	Máy giám sát bụi cá nhân	Máy	1
48	Máy hút ẩm	Máy	3
49	Máy hút chân không	Máy	1
50	Máy hút muối	Máy	5
51	Máy khuấy từ	Máy	5
52	Máy làm lạnh tuần hoàn	Máy	1
53	Máy lắc	Máy	2
54	Máy lấy mẫu khí	Máy	1
55	Máy ly tâm máu	Máy	8
56	Máy nghiền mẫu	Máy	3
57	Máy phân tích huyết học tự động	Máy	2
58	Máy phân tích nước tiểu	Máy	2
59	Máy phun đeo vai	Máy	36
60	Máy phun hóa chất cỡ lớn	Máy	3
61	Máy quang phổ UV-Vis	Máy	1
62	Máy sinh khí hydro	Máy	1
63	Máy soi da	Máy	1
64	Máy xay mẫu khô	Máy	1
65	Máy XN HbA1C	Máy	1
66	TB phân tích nước cầm tay.2016	Cái	1
67	Tủ an toàn sinh học	Cái	4
68	Tủ ẩm	Cái	6
69	Tủ đá TFW 800 + ồn áp	Cái	1
70	Tủ hút khí độc	Cái	1
71	Tủ lạnh âm sâu	Cái	3
72	Tủ lạnh trữ mẫu	Cái	3
73	Tủ lạnh lưu trữ vắc xin	Cái	4
74	Tủ sấy	Cái	4
75	Thiết bị đo BOD WTW + Tủ BOD TS606/2	Cái	1
76	Thiết bị đo khí hậu đa năng	Cái	1
77	Thiết bị phản ứng ngưng kết	Cái	1
78	Thiết bị phân tích nhanh lý, hóa nước và thực phẩm.	Cái	1

	79	Thiết bị xét nghiệm nhanh hóa chất bảo vệ thực vật	Cái	1
	80	Thiết bị xét nghiệm nhanh vi sinh nước và thực vật	Cái	1
	BỘ PHẬN CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	2	Đèn mổ di động 4 bóng	Cái	1
	3	Máy xét nghiệm sinh hoá (nhật bản)	Máy	1
	4	Máy huyết học 18 thông số	Máy	1
	5	Máy sinh hóa nước tiểu 13 thông số	Máy	1
	6	Máy thở xách tay	Máy	1
	7	Bàn mổ	Cái	1
	8	Hệ thống X-Quang chụp nhũ ảnh	Hệ thống	1
	9	Máy siêu âm	Máy	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy đo loãng xương	Máy	1
	2	Máy li tâm	Máy	1
	3	Máy lắng máu	Máy	1
	4	Máy rửa phim	Máy	1
	5	Bộ kính hiển vi kỹ thuật số	Cái	1
	BỘ PHẬN PHÒNG CHỐNG SỐT RÉT- KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy sinh hoá tự động	Máy	1
	2	Máy xét nghiệm Elisa tự động	Máy	1
	3	Bộ xét nghiệm Elisa	Bộ	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy phân tích huyết học tự động	Máy	1
	2	Máy ly tâm	Máy	1
	3	Máy hấp ướt diệt trùng tự động	Máy	1
	4	Máy sấy khô dụng cụ y tế tự động	Máy	1
	5	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	Máy	1
	6	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	19
	BỘ PHẬN PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy xét nghiệm sinh hóa 16 chỉ số	Máy	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy lắng	Máy	2
	2	Dàn Elisa	Cái	2
	3	Tủ an toàn sinh học	Cái	2
9	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LẮK			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X - Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
	2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2
	3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	3
	4	Máy thở	Máy	2

	5	Máy gây mê	Máy	2
	6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	5
	7	Bơm tiêm điện	Cái	2
	8	Máy truyền dịch	Máy	2
	9	Dao mổ cao tần	Cái	2
	10	Máy phá rung tim	Máy	2
	11	Đèn mổ treo trần	Cái	2
	12	Đèn mổ di động	Cái	2
	13	Bàn mổ	Cái	2
	14	Máy điện tim	Máy	2
	15	Máy điện não	Máy	1
	16	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1
	17	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	18	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	2
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Giường cấp cứu đa năng	Cái	3
	2	Máy hút điện chạy liên tục	Máy	2
	3	Máy đốt pô lip	Máy	1
	4	Máy tạo Ô xy	Máy	1
	5	Máy li tâm	Máy	1
	6	Máy Monitor sản khoa	Máy	1
	7	Máy bảo hoà ô xy	Máy	1
	8	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	Máy	1
	9	Monitor cấp cứu 5 thông số	Máy	1
	10	Máy tạo ô xy di động 5l/ phút	Máy	2
	11	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Máy	1
	12	Monitor 5 thông số	Máy	2
	13	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu model: OxcyonII	Máy	1
	14	Máy hút dịch áp lực thấp model Senaton	Máy	1
	15	Máy huyết học 18 thông số Model ABacus380	Máy	1
	16	Máy rửa dạ dày SC-II	Máy	1
	17	Máy rửa phim tự động CP1000 và phụ tùng	Máy	1
	18	Máy đông máu bán tự động	Máy	1
	19	Máy tạo oxy khí trời	Máy	1
	20	Máy đo điện giải N+, K+, Cl- điện cực chọn lọc ion	Máy	1
	21	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Máy	1
	22	Máy phân tích huyết học tự động > 18 thông số	Máy	1
10	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CƯ KUIN			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Bàn mổ	Cái	2
	2	Bơm tiêm điện	Cái	10
	3	Máy gây mê	Máy	2
	4	Máy giúp thở	Máy	8
	5	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4

6	Máy siêu âm Doppler màu 4D	Máy	1
7	Máy truyền dịch	Máy	15
8	Máy X Quang cao tần >300mA	Máy	1
9	Máy X Quang di động	Máy	3
10	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	1
11	Máy xét nghiệm miễn dịch bán tự động	Máy	1
12	Monitor sản khoa	Máy	6
13	Monitor theo dõi bệnh nhân	Máy	13
14	Bộ soi trực tràng loại ống cứng	Bộ	1
15	Dao mổ điện cao tần	Cái	2
16	Đèn mổ treo trần	Cái	3
17	Máy phá rung tim	Cái	1
18	Máy đo điện não	Máy	2
19	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
20	Máy điện tim	Máy	3
II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
1	Máy hút dịch	Máy	3
2	Máy khí dung	Máy	5
3	Máy siêu âm điều trị	Máy	1
4	Máy laser điều trị	Máy	2
5	Máy châm cứu	Máy	10
6	Máy điều trị sóng ngắn	Máy	1
7	Máy điều trị vàng da và soi Vein	Máy	1
8	Máy gây mê giúp thở	Máy	1
9	Máy tổng phân tích nước tiểu	Máy	1
10	Máy sinh hoá máu tự động	Máy	3
11	Máy ly tâm	Máy	2
12	Máy siêu âm màu	Máy	2
13	Máy siêu âm đen trắng	Máy	4
14	Máy X-Quang	Máy	2
15	Máy rửa Film	Máy	1
16	Hệ thống rửa Film kỹ thuật số	Máy	1
17	Máy điều trị tai mũi họng	Máy	1
18	Máy cắt Amydal	Máy	1
19	Máy soi tai mũi họng	Máy	1
20	Máy nha khoa	Máy	1
21	Máy cạo vôi	Máy	1
22	Máy gọi số tự động	Máy	1
23	Máy đo điện giải Na ⁺ , K ⁺ , CL điện cực chọn lọc	Máy	1
24	Máy điện từ trường điều trị	Máy	1
25	Máy tạo oxy di động 5 lít/phút	Máy	6
26	Máy đo độ bão hoà oxy và nhịp mạch, loại để bàn	Máy	2
27	Máy thở trẻ em + Máy nén khí	Máy	2
28	Máy thở (chạy điện khí nén tự cấp)	Máy	1

	29	Máy li tâm đa năng 4000 vòng/phút	Máy	1
	30	Máy đo độ bão hoà oxy	Máy	5
	31	Máy đốt cổ tử cung	Máy	1
	32	Máy X-Quang di động	Máy	1
	33	Máy đo khí máu	Máy	1
	34	Máy khí dung siêu âm	Máy	3
	35	Máy gây mê nội khí quản soft lan der 120	Máy	1
	36	Máy nội soi dạ dày	Máy	1
	37	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy	1
	38	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Máy	2
	39	Máy ủ test sinh học	Máy	1
	40	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	1
	41	Bàn mổ đa năng thuỷ lực	Cái	2
	42	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	2
	43	Bộ phẫu thuật tai xương chũm	Bộ	1
	44	Dao mổ điện 300 WHF	Cái	1
11	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CU M'GAR			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
	2	Máy X-Quang di động	Máy	2
	3	Máy X-Quang C_arm	Máy	1
	4	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
	5	Máy siêu âm tổng quát	Máy	5
	6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	1
	7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	8	Máy thận nhân tạo	Máy	5
	9	Máy thở	Máy	15
	10	Máy gây mê	Máy	3
	11	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	16
	12	Bơm tiêm điện	Cái	56
	13	Máy truyền dịch	Máy	56
	14	Dao mổ điện cao tần	Cái	3
	15	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	3
	16	Máy phá rung tim	Máy	4
	17	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1
	18	Đèn mổ treo trần	Cái	3
	19	Đèn mổ di động	Cái	7
	20	Bàn mổ	Cái	3
	21	Máy điện tim	Máy	4
	22	Máy điện não	Máy	1
	23	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
	24	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
	25	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	26	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1

	27	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	28	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	8
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy tạo oxy di động	Máy	11
	2	Máy phân tích khí máu	Máy	2
	3	Máy điều trị Laze	Máy	2
	4	Máy điện từ trường điều trị	Máy	2
	5	Máy điều trị xung điện	Máy	2
	6	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	2
	7	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	4
	8	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	4
	9	Máy ly tâm	Máy	4
	10	Máy chụp X.Quang nha	Máy	2
	11	Máy khử trùng phòng mổ	Máy	2
		BỘ PHẬN Y TẾ DỰ PHÒNG		
	III	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy đo cường độ ánh sáng	Máy	1
	2	Máy đo độ ồn	Máy	1
	3	Máy đo độ ẩm (Hygrometer)	Máy	1
	4	Máy đo độ rung (Vibration meter)	Máy	1
	5	Máy đo bụi	Máy	1
	6	Máy đo bức xạ nhiệt	Máy	1
	7	Máy đo lực bóp tay	Máy	1
	8	Máy đo tốc độ gió	Máy	1
	9	Máy ly tâm 4000-6000 vòng/phút	Máy	1
	10	Máy lắc	Máy	1
	11	Máy đo pH để bàn	Máy	1
	12	Máy đo pH cầm tay	Máy	1
12		BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC 333		
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
	2	Máy X-Quang di động	Máy	2
	3	Hệ thống CT-Scanner < 64 lát cắt/ vòng quay	Hệ thống	1
	4	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
	5	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3
	6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	3
	7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	8	Máy thở	Máy	9
	9	Máy gây mê	Máy	4
	10	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	8
	11	Bơm tiêm điện	Cái	8
	12	Máy truyền dịch	Máy	8
	13	Máy phá rung tim	Máy	3
	14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Cái	2

15	Đèn mô treo trần	Cái	2
16	Đèn mô di động	Cái	3
17	Bàn mô	Cái	2
18	Máy điện tim	Máy	5
19	Máy điện não	Máy	1
20	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
21	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2
22	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
23	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
24	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	3
II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
1	Bộ cắt tử cung đường âm đạo	Bộ	2
2	Bộ đèn soi đáy mắt-khám mắt	Bộ	1
3	Bộ điều trị răng hàm mặt	Bộ	1
4	Bộ dụng cụ phẫu thuật ngoại tổng quát	Bộ	4
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	Bộ	4
6	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	Bộ	3
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ	3
8	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Bộ	4
9	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	30
10	Bộ dụng cụ trung phẫu	Bộ	2
11	Bộ khám điều trị tai mũi họng + ghế	Bộ	2
12	Bộ khám răng	Bộ	2
13	Bộ khám tai mũi họng	Bộ	1
14	Bộ kim nhổ răng	Bộ	1
15	Bộ ngũ quan	Bộ	2
16	Bộ nội soi dạ dày, trực tràng mềm video monitor	Bộ	3
17	Bộ nội soi tiết niệu	Bộ	2
18	Bộ phẫu thuật răng 17 chi tiết	Bộ	2
19	Bộ phẫu thuật thủy tinh thể	Bộ	1
20	Bộ phẫu thuật xương	Bộ	2
21	Bộ soi bóng đồng tử đo khúc xạ	Bộ	6
22	Bộ soi trực tràng loại ống cứng	Bộ	5
23	Bộ vi phẫu mắt	Bộ	1
24	Dao mổ điện 300WHF	Cái	3
25	Ghế+ Bộ khám điều trị răng hàm mặt + lấy cao răng bằng siêu âm	Cái	3
26	Giường cấp cứu	Cái	16
27	Giường kéo cột sống, cổ chạy điện	Cái	2
28	Gu Găm Xương Zaufal - Jason	Cái	5
29	Hệ thống RELISA đồng bộ	Hệ thống	6
30	Hệ thống rửa tay phẫu thuật	Hệ thống	2
31	Hệ thống sưởi ấm sơ sinh	Hệ thống	1
32	Khoan xương điện	Cái	2

	33	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	3
	34	Lồng ấp sơ sinh	Cái	4
	35	Máy đo điện giải đồ	Máy	2
	36	Máy đo độ bão hòa oxi	Máy	2
	37	Máy đo đường huyết	Máy	3
	38	Máy đo khúc xạ kế và độ cong giác mạc tự động	Máy	2
	39	Máy đo khúc xạ tự động	Máy	2
	40	Máy đo tốc độ máu lắng tự động	Máy	2
	41	Máy đốt điện	Máy	2
	42	Máy giác hút sản khoa	Máy	1
	43	Máy kéo cột sống tự động	Máy	2
	44	Máy khí dung	Máy	6
	45	Máy khoan xương	Máy	2
	46	Máy khúc xạ kế tự động	Máy	2
	47	Máy làm áp truyền dịch	Máy	2
	48	Máy Laze điều trị	Máy	3
	49	Máy li tâm	Máy	2
	50	Máy răng- Ghế răng	Máy	3
	51	Máy rửa dụng cụ hơi nước chạy điện	Máy	2
	52	Máy rửa phim X- Quang tự động $\geq 90\text{pim/g}$	Máy	2
	53	Máy sóng ngắn điều trị	Máy	1
	54	Máy súc rửa dạ dày	Máy	2
	55	Máy tạo oxi di động	Máy	6
	56	Máy tập thể dục đa năng	Máy	2
	57	Máy tháo lồng ruột trẻ em	Máy	2
	58	Máy xung điện	Máy	3
	59	Sinh hiển vi khám mắt	Cái	1
13	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG ANA			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X- Quang kỹ thuật số	Máy	1
	2	Máy X-Quang cao tần kỹ thuật số	Hệ thống	1
	3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	1
	4	Máy siêu âm trị liệu	Máy	1
	5	Máy siêu âm 4D	Máy	1
	6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	2
	7	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Máy	1
	8	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Máy	1
	9	Máy xét nghiệm HBA1C	Máy	1
	10	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Máy	1
	11	Máy thở CPAP	Máy	1
	12	Máy gây mê	Máy	1
	13	Máy gây mê tự động	Máy	1
	14	Bơm tiêm điện	Cái	2
	15	Máy truyền dịch	Máy	2

16	Dao mổ điện cao tần	Cái	1
17	Máy phá rung tim	Máy	2
18	Đèn mổ treo trần	Cái	1
19	Bàn mổ	Cái	1
20	Máy điện tim 6 cần	Máy	3
21	Máy điện tim	Máy	2
22	Máy ghi điện não đồ	Máy	1
23	Hệ thống nội soi tiêu hóa (đại tràng)	Hệ thống	1
24	Bộ nội soi tiết niệu	Bộ	1
II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
1	Máy rửa dạ dày SC H	Máy	1
2	Bộ dụng cụ cắt Amydal	Bộ	1
3	Đèn điều trị vàng da	Cái	1
4	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt 14K	Bộ	1
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa 31k	Bộ	1
6	Bộ dụng cụ trung phẫu 31K	Bộ	1
7	Bộ nội soi dạ dày ống mềm videp monitor	Bộ	1
8	Bộ phẫu thuật xương 69K	Bộ	1
9	Bộ tiểu phẫu 12k	Bộ	1
10	Lồng ấp sơ sinh	Cái	1
11	Máy bảo quản tử thi	Máy	1
12	Máy đốt cổ tử cung cao tần hoặc laser	Máy	1
13	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	Máy	1
14	Máy thở trẻ em máy nén khí	Máy	1
15	Monito theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1
16	Monito sản khoa 2 chức năng	Cái	1
17	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt 14K	Bộ	1
18	Bộ dụng cụ đại phẫu	Cái	1
19	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	1
20	Máy bán tự động Model chem7	Máy	1
21	Máy tạo o xi + phụ kiện	Máy	1
22	Máy montor theo dõi sản khoa	Máy	1
23	Bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi pakitan	Bộ	3
24	Bộ dụng cụ chích lẹo 11k	Bộ	1
25	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt	Bộ	1
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình 99k	Bộ	1
27	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	Bộ	1
28	Bộ nội soi trực tràng loại ống cứng	Bộ	1
29	Máy đo điện giải N, L, Cl điện cực chọn lọc	Máy	1
30	Máy gây mê kèm thở + máy nén khí	Máy	1
31	Máy li tâm đa năng >=6000 vòng/phút	Máy	1
32	Máy li tâm máy	Máy	1
33	Máy sóng ngắn điều trị	Máy	1
34	Máy tạo o xi di động 5 lít/ phút	Máy	1

	35	Máy thở chạy điện dùng khí nén tự cấp	Máy	2
14	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG BÔNG			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang kỹ thuật số (đầu đọc CR)	Máy	1
	2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2
	3	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	3
	4	Máy thở	Máy	20
	5	Máy thở qua nội khí quản	Máy	1
	6	Máy gây mê	Máy	2
	7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	20
	8	Bơm tiêm điện	Cái	7
	9	Máy truyền dịch	Máy	7
	10	Dao mổ điện cao tần	Cái	2
	11	Máy phá rung tim	Máy	3
	12	Đèn mổ treo trần	Cái	4
	13	Bàn mổ	Cái	2
	14	Máy điện tim	Máy	5
	15	Máy điện não	Máy	1
	16	Hệ thống nội soi tiêu hóa....	Hệ thống	1
	17	Hệ thống nội soi Tai- Mũi- Họng	Hệ thống	1
	18	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	19	Máy theo dõi sản khoa	Máy	5
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bộ cắt Amidan	Bộ	2
	2	Bộ đại phẫu	Bộ	2
	3	Bộ dụng cụ mổ quặm , mộng mắt	Bộ	1
	4	Bộ dụng cụ phẫu thuật bụng trẻ em	Bộ	1
	5	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng	Bộ	1
	6	Bộ dụng cụ phẫu thuật Sản khoa (gồm cả KHHGD)	Bộ	1
	7	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hoá	Bộ	1
	8	Bộ dụng cụ trung phẫu	Bộ	1
	9	Bộ khám điều trị tai mũi họng + ghế	Bộ	1
	10	Bộ phẫu thuật tai mũi họng	Bộ	1
	11	Bộ tiểu phẫu	Bộ	1
	12	Bộ trung phẫu	Bộ	1
	13	Cửa xương điện	Cái	1
	14	Đèn chiếu vàng da	Cái	1
	15	Hệ thống khám và điều trị TMH	Hệ thống	1
	16	Hệ thống máy điện châm	Hệ thống	1
	17	Hệ thống máy sắc thuốc Đông y	Hệ thống	1
	18	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	2
	19	Lồng ấp trẻ em	Cái	2
	20	Máy - giường kéo cột sống tự động	Máy	1
	21	Máy 10 thông số nước tiểu	Máy	1

22	Máy cắt đốt điện ca tần trong phẫu thuật	Máy	2
23	Máy châm cứu điện 6 kênh	Máy	1
24	Máy chẩn đoán điện kết hợp điện xung	Máy	1
25	Máy điện phân điện xung 2 kênh	Máy	1
26	Máy điện từ trường điều trị	Máy	1
27	Máy điều trị bức xạ vi sóng 1 kênh	Máy	1
28	Máy điều trị sóng ngắn xung	Máy	1
29	Máy điều trị vi sóng	Máy	1
30	Máy điều trị xung điện	Máy	1
31	Máy đo độ bão hoà ô xy để bàn	Máy	2
32	Máy đo độ đông máu cầm tay	Máy	1
33	Máy đo thị lực L - 7040	Máy	1
34	Máy đo thính lực	Máy	1
35	Máy đọc quang phổ kế	Máy	1
36	Máy đông máu	Máy	1
37	Máy hút áp lực thấp chạy liên tục	Máy	1
38	Máy hút dịch chạy điện công suất lớn SU - 0305	Máy	1
39	Máy hút dịch chạy liên tục áp lực thấp	Máy	1
40	Máy hút dịch	Máy	3
41	Máy hút đờm giải	Máy	1
42	Máy hút thai	Máy	3
43	Máy huyết học	Máy	1
44	Máy huyết học 18 thông số + phụ kiện	Máy	1
45	Máy kéo dẫn cột sống cổ , ngực , lưng	Máy	1
46	Máy khí dung siêu âm	Máy	1
47	Máy khoan xương	Máy	1
48	Máy kích thích thần kinh cơ	Máy	1
49	Máy lắ máu	Máy	1
50	Máy làm ấm dịch truyền	Máy	1
51	Máy lấy cao răng	Máy	1
52	Máy Laze điều trị 4 đầu phát	Máy	1
53	Máy ly tâm đa năng	Máy	1
54	Máy ly tâm máu Haematokrit 210	Máy	1
55	Máy phân tích điện giải 3 kênh	Máy	1
56	Máy phân tích huyết học 18 thông số	Máy	1
57	Máy phân tích nước tiểu	Máy	1
58	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	Máy	1
59	Máy phun dung dịch khử trùng	Máy	1
60	Máy rửa dạ dày tự động SC - IA	Máy	1
61	Máy rửa sấy phim tự động	Máy	1
62	Máy Siêu âm trắng đen dùng cho sản khoa	Máy	1
63	Máy Siêu âm điều trị ITO US 700	Máy	1
64	Máy sốc tim (Phá rung tim & tạo nhịp)	Máy	2
65	Máy phân tích độ bão hoà	Máy	1

	66	Máy súc rửa dạ dày	Máy	1
	67	Máy sưởi ẩm trẻ em	Máy	1
	68	Máy tháo lồng ruột bằng hơi	Máy	2
	69	Máy X quang nha	Máy	1
	70	Máy sinh hóa tự động	Máy	1
	71	Máy phân tích huyết học 20 thông số , 3 thành phần bạch cầu	Máy	1
	72	Máy Laze châm cứu 12 kênh	Máy	1
	73	Máy điện châm	Máy	1
	74	Máy điện giải 4 thông số	Máy	1
		BỘ PHẬN Y TẾ DỰ PHÒNG		
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy quang phổ UVIS	Máy	1
	2	Kính hiêm vi hai mắt	Máy	1
	3	Máy đo nồng độ nước	Máy	1
	4	Máy siêu âm	Máy	1
	5	Máy phun	Máy	4
	6	Máy ly tâm nước tiểu	Máy	1
	7	Máy đo PH cầm tay	Máy	1
	8	Thiết bị đo ánh sáng	Cái	1
	9	Thiết bị đo nhiệt ẩm cầm tay	Cái	1
15		TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA KAR		
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy chụp X quang kỹ thuật số	Máy	2
	2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	2
	3	Máy siêu trắng đen	Máy	1
	4	Máy sinh hóa bán tự động	Máy	1
	5	Máy sinh hóa tự động	Máy	1
	6	Máy xét nghiệm miễn dịch	Máy	1
	7	Máy thở	Máy	4
	8	Máy gây mê	Máy	1
	9	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	3
	10	Bơm tiêm điện	Cái	4
	11	Máy truyền dịch	Máy	6
	12	Dao mổ điện cao tần	Cái	1
	13	Đèn mổ	Cái	3
	14	Bàn mổ	Cái	1
	15	Máy điện tim	Máy	2
	16	Máy điện não	Máy	1
	17	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
	18	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	19	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy đo khúc xạ mắt tự động	Máy	2
	2	Máy đo loãng xương	Máy	2

	3	Máy đông máu bán tự động	Máy	2
	4	Máy hút đờm dãi	Máy	6
	5	Máy huyết học 18 thông số	Máy	3
	6	Máy khoan xương	Máy	2
	7	Máy li tâm	Máy	2
	8	Máy nha khoa	Máy	2
	9	Máy phân tích nước tiểu	Máy	2
	10	Máy răng	Máy	2
	11	Máy rửa phim tự động	Máy	2
	12	Máy siêu âm trị liệu YHCT	Máy	4
	13	Máy tạo Oxylen	Máy	3
	14	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	2
16	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MĐRẮK			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
	2	Máy siêu âm màu 4D	Máy	1
	3	Máy siêu âm trắng đen	Máy	3
	4	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Máy	1
	5	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	6	Máy thở	Máy	5
	7	Máy gây mê	Máy	2
	8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	10
	9	Bơm tiêm điện	Cái	10
	10	Máy truyền dịch	Máy	10
	11	Dao mổ điện cao tần	Cái	2
	12	Máy phá rung tim	Máy	3
	13	Hệ thống phẫu thuật nội soi ngoại ổ bụng	Hệ thống	1
	14	Đèn mổ treo trần	Cái	2
	15	Đèn mổ di động	Cái	4
	16	Bàn mổ	Cái	2
	17	Máy điện tim 6 cần	Máy	1
	18	Máy điện tim 3 cần	Máy	3
	19	Máy điện tim 12 cần	Máy	1
	20	Máy điện não	Máy	1
	21	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1
	22	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	23	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	24	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	2
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy ly tâm	Máy	2
	2	Máy điện giải đồ	Máy	1
	3	Máy phân tích nước tiểu	Máy	3
	4	Máy phân tích tốc độ lắng máu	Máy	1
	5	Máy siêu âm điều trị đa tầng 1-3MHz	Máy	1

	6	Máy điện xung H-3000	Máy	2
	7	Kính hiển vi khám mắt	Cái	1
	8	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	1
	9	Máy đo khúc xạ kế tự động	Máy	1
	10	Bộ tiểu phẫu xê chấp lẹo	Cái	1
	11	Bộ dụng cụ mổ mống thịt	Cái	1
	12	Bộ dụng cụ mổ quặm	Cái	1
	13	Bộ dụng cụ thông lệ đạo	Cái	1
	14	Bộ dụng cụ thông lệ đạo	Cái	1
	15	Đèn soi đáy mắt	Cái	1
	16	Giường bệnh chuyên dùng cho súc rửa dạ dày	Cái	1
	17	Máy tạo O xy khí trời di động	Máy	7
	18	Máy hút đờm, nhớt người lớn	Máy	4
	19	Máy hút dịch phòng mổ	Máy	2
	20	Máy hấp tiệt trùng loại 2 cửa dung tích 100 lít	Máy	1
	21	Máy hấp ướt tiệt trùng loại 2 cửa dung tích 200 lít	Máy	1
	22	Máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm loại 1 cửa 30 lít	Máy	0
	23	Máy Doppler tim thai	Máy	1
17	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BUÔN ĐÔN			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	2
	2	Máy X quang di động	Máy	1
	3	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
	4	Máy siêu âm tổng quát	Máy	6
	5	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	2
	6	Máy thở	Máy	6
	7	Máy gây mê	Máy	4
	8	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	16
	9	Bơm tiêm điện	Cái	16
	10	Máy truyền dịch	Máy	16
	11	Dao mổ điện cao tần	Cái	4
	12	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	2
	13	Máy phá rung tim	Máy	3
	14	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1
	15	Đèn mổ treo trần	Cái	4
	16	Đèn mổ di động	Cái	5
	17	Bàn mổ	Cái	4
	18	Máy điện tim	Máy	4
	19	Máy điện não	Máy	1
	20	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
	21	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	1
	22	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	23	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
	24	Máy soi cổ tử cung	Máy	2

	25	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	5
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bộ chuyển đổi X-Quang kỹ thuật số	Bộ	2
	2	Bộ nội soi trực tràng ống cứng	Bộ	1
	3	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	6
	4	Máy lắc máu MEDDA	Máy	1
	5	Máy xét nghiệm 18 thông số	Máy	2
	6	Máy hút thai	Máy	1
	7	Máy hút điện	Máy	1
	8	Máy huyết học 20 thông số	Máy	1
	9	Máy huyết học bán tự động 20TS	Máy	1
	10	Máy huyết học MS4	Máy	1
	11	Máy Lase điều trị 25 MW	Máy	2
	12	Máy ly tâm máu (Mao dẫn)	Máy	1
	13	Máy nha	Máy	3
	14	Máy phân tích điện giải đồ 5 TS	Máy	2
	15	Máy phun dung dịch khử trùng	Máy	1
	16	Máy phun khí dung	Máy	14
	17	Máy rửa phim XQ tự động >60	Máy	3
	18	Máy tạo Ô xy	Máy	11
	19	Máy Sinh hiển vi khám mắt/Đèn khe	Máy	1
	20	Tủ ấm 37-60 độ, 60 Lít	Cái	3
	21	Máy đo độ đông máu	Máy	1
	22	Máy đo điện giải N ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ - điện cực chọn lọc ion	Máy	3
	23	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Máy	2
	24	Máy li tâm đa năng ≥ 4000 vòng/phút	Máy	2
	25	Tủ lạnh trữ máu ≥ 120 lít	Cái	1
	26	Máy cất nước 2 lần 2 lít/ giờ + Bộ tiền lọc	Máy	1
	27	Tủ sấy điện 250°C 120 lít	Cái	1
	28	Tủ sấy điện 250°C 60 lít	Cái	1
	29	Máy giặt, vắt 30kg	Máy	1
	30	Nồi hấp tiệt trùng 75 lít	Cái	2
	31	Nồi hấp tiệt trùng 200 lít	Cái	1
	32	Thiết bị điều chế dung dịch khử trùng	Cái	3
	33	Đèn điều trị vàng da	Cái	8
	34	Máy hút dịch chạy điện	Máy	5
	35	Máy khí dung siêu âm	Máy	10
	36	Máy làm ấm dịch truyền	Máy	1
	37	Máy sóng ngắn điều trị	Máy	3
	38	Máy điện từ trường điều trị	Máy	5
	39	Máy xung điện điều trị	Máy	10
	40	Hệ thống rửa tay cho 2 phẫu thuật viên	Hệ thống	3
	41	Bộ cắt Amidan	Bộ	6
	42	Bộ dụng cụ khám răng	Bộ	35

43	Bộ dụng cụ cắt sỏi trĩ	Bộ	1
44	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu ngoại tổng quát	Bộ	1
45	Bộ khoan xương chũm	Bộ	2
46	Bộ dụng cụ mổ nội soi	Bộ	2
47	Bộ phẫu thuật chỉnh hình	Bộ	1
48	Bộ phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít	Bộ	4
49	Bộ phẫu thuật mắt (mổ màng thịt)	Bộ	1
50	Bộ phẫu thuật nội soi mũi xoang	Bộ	2
51	Bộ dụng cụ cắt tử cung đường âm đạo	Bộ	1
52	Bộ dụng cụ phẫu thuật ruột thừa – Túi mật	Bộ	4
53	Bộ dụng cụ phẫu thuật tuyến giáp	Bộ	1
54	Bộ Phẫu thuật sản phụ khoa	Bộ	4
55	Đèn đặt nội khí quản có màn hình & Camera	Cái	1
56	Hệ thống thở áp lực dương	Hệ thống	2
57	Hệ thống thở áp lực dương liên tục	Hệ thống	1
58	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	Hệ thống	1
59	Hệ thống khám và điều trị tai mũi họng	Hệ thống	2
60	Hệ thống Cobas 8000	Hệ thống	1
61	Hệ thống dây chuyền chuyển mẫu tự động	Hệ thống	1
62	Hệ thống triển khai bệnh án điện tử	Hệ thống	1
63	Hệ thống Pacs lưu trữ và truyền tải hình ảnh	Hệ thống	1
64	Kính hiển vi chụp hình	Cái	1
65	Máy chửa xương	Máy	1
66	Máy đốt điện cổ tử cung	Máy	2
67	Máy đo độ lắng máu	Máy	1
68	Máy đo độ đông máu tự động	Máy	1
69	Máy điều trị sóng ngắn và sóng liên tục	Máy	2
70	Máy kéo cột sống cổ + lưng	Máy	3
71	Máy lấy cao răng	Máy	2
72	Máy ly tâm	Máy	2
73	Máy nghe tim thai	Máy	3
74	Máy xúc rửa dạ dày	Máy	5
75	Máy miễn dịch Elisa tự động	Máy	1
76	Máy đếm tế bào huyết học tự động	Máy	1
77	Máy điện di mao quản tự động	Máy	1
78	Máy sấy lam	Máy	1
79	Máy siêu âm mạch máu xách tay	Máy	1
80	Máy sấy đồ vải	Máy	2
81	Máy holter theo dõi tim mạch 24h	Máy	1
82	Máy hấp tiệt trùng	Máy	3
83	Máy đốt cao tần cầm máu	Máy	1
84	Máy điện tim gắng sức	Máy	1
85	Máy Sinh hiển vi phẫu thuật	Máy	1
86	Máy siêu âm trị liệu (PHCN)	Máy	5

	87	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2 và nhịp tim Beuren P040	Máy	5
	88	Máy khử rung tự động AED	Máy	1
	89	Máy điện châm	Máy	61
18	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG NĂNG			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang cao tần >300mA	Máy	1
	2	Hệ thống X-Quang chụp cao tần	Máy	1
	3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4
	4	Máy xét nghiệm sinh hoá bán tự động	Máy	1
	5	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số	Máy	1
	6	Máy xét nghiệm huyết học 20 thông số	Máy	1
	7	Máy thở mát	Máy	1
	8	Máy gây mê khí nén	Máy	1
	9	Máy gây mê kèm thở	Máy	2
	10	Máy Monitor theo dõi 5 thông số	Máy	2
	11	Máy Monitor	Máy	1
	12	Máy nội soi tai mũi họng	Máy	1
	13	Bơm tiêm điện	Cái	2
	14	Bơm tiêm tự động	Cái	1
	15	Máy truyền dịch	Máy	2
	16	Đèn mổ treo trần 1 nhánh	Cái	1
	17	Bàn mổ đa năng thuỷ lực	Cái	1
	18	Bàn mổ đa năng	Cái	1
	19	Bàn mổ trung	Cái	1
	20	Máy điện tim	Máy	2
	21	Máy điện tim 6 kênh	Máy	2
	22	Máy điện tim 3 cần	Máy	2
	23	Bộ nội soi dạ dày	Bộ	1
	24	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	25	Máy monitoring theo dõi sản khoa	Máy	1
	26	Dao mổ điện	Cái	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác	Cái	
	1	Bàn kéo nắn xương đa năng	Cái	1
	2	Bộ phẫu thuật tiêu hoá	Bộ	1
	3	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Bộ	1
	4	Bộ phẫu thuật xương (48 khoản)	Bộ	1
	5	Đèn sưởi ấm sơ sinh	Cái	1
	6	Đèn tần phổ	Cái	1
	7	Đèn trám răng	Cái	1
	8	Ghế khám điều trị tai mũi họng	Cái	1
	9	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	1
	10	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	2
	11	Máy châm cứu	Máy	1
	12	Máy chữa răng	Máy	1

13	Máy cạo vôi siêu âm	Máy	1
14	Máy đo độ bão hòa oxy	Máy	3
15	Máy đo điện giải	Máy	1
16	Máy đo nồng độ máu bán tự động	Máy	1
17	Máy hút phẫu thuật	Máy	1
18	Máy hút 2 bình (Máy hút nhót)	Máy	1
19	Máy hút phụ khoa	Máy	1
20	Máy hút điện	Máy	2
21	Máy hút dịch	Máy	4
22	Máy huyết học 18 thông số	Máy	1
23	Máy hút thai	Máy	1
24	Máy kéo giãn cột sống	Máy	1
25	Máy lọc máu	Máy	2
26	Máy li tâm 8 ống	Máy	1
27	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	Bộ	1
28	Máy phân tích nước tiểu	Máy	2
29	Máy rửa dạ dày	Máy	1
30	Máy rửa phim	Máy	2
31	Máy sưởi ấm trẻ sơ sinh	Máy	1
32	Máy sinh hóa tự động	Máy	2
33	Máy xông khí dung	Máy	1
34	Sinh hiển vi phẫu thuật	Cái	1
35	Hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số	Hệ thống	1
36	Bộ dụng cụ Amydal	Bộ	1
37	Bộ dụng cụ phẫu thuật quặm (13 khoản)	Bộ	1
38	Bộ dụng cụ trung phẫu (25 khoản)	Bộ	1
39	Bộ dụng cụ y tế xã (42 khoản)	Bộ	1
40	Bàn khám tai mũi họng	Bộ	1
41	Bộ lấy dị vật thực quản	Bộ	1
42	Bàn nắn xương	Cái	1
43	Máy tạo oxy từ khí trời	Máy	2
44	Máy khoan tay	Máy	1
45	Máy siêu âm điều trị kết hợp với điện xung chuẩn đoán điện và Giác hút trị liệu	Máy	2
46	Máy tạo oxy di động	Máy	6
47	Máy hút đờm dãi 2 bình	Máy	2
48	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	1
49	Máy shook điện	Máy	1
50	Máy giúp thở	Máy	1
51	Máy miễn dịch tự động	Máy	1
52	Máy CITY	Máy	1
53	Hệ thống máy nội soi tai mũi họng (Mổ nội soi mũi xoang)	Máy	1
54	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi mũi xoang	Máy	1
55	Máy cắt đốt	Máy	1

	56	Máy Monnitor sản khoa	Máy	1
	57	Máy giác hút sản khoa	Máy	1
	58	Bộ tiểu phẫu	Máy	2
	59	Máy sóng ngắn	Máy	1
	60	Máy huyết học	Máy	1
	61	Máy ly tâm	Máy	1
	62	Kính hiển vi	Cái	1
	63	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	1
	64	Máy súc rửa dạ dày	Máy	1
	65	Máy thở xách tay Resmed	Máy	1
	66	Máy đo SpO2 cầm tay	Máy	1
	67	Máy khí dung	Máy	3
	68	Máy bơm tiêm điện	Máy	3
	69	Máy hút đờm dãi	Máy	1
	70	Máy đo khúc xạ tự động	Máy	1
	71	Máy điện xung siêu âm điều trị	Máy	1
	72	Cáp điện cực điện xung	Cái	2
	73	Máy điện phân	Máy	1
	74	Máy điện châm	Máy	10
	75	Xe đạp tập PHCN	Cái	2
	76	Máy phun sương tiết trùng phòng mổ	Máy	1
	77	Bộ tiểu phẫu 32 chi tiết	Bộ	3
	78	Máy Monitor theo dõi sản khoa	Máy	1
19	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG BUK			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Bơm tiêm điện	Cái	1
	2	Máy thở trẻ em và trẻ sơ sinh	Máy	
	3	Máy thở CPAP	Máy	2
	4	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Máy	1
	5	Máy phá rung tim	Máy	1
	6	Máy phân tích huyết học tự động ≥ 18 thông số	Máy	1
	7	Máy phân tích sinh hóa tự động ≥ 180 test/giờ	Máy	1
	8	Monitor sản khoa, hai chức năng	Máy	1
	9	Máy siêu âm đen trắng xách tay 2 đầu dò kèm máy in	Máy	1
	10	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò kèm máy in và xe đẩy	Máy	1
	11	Máy X-quang cao tần ≥ 500 mA	Máy	1
	12	Máy rửa phim XQ tự động ≥ 90 phim/giờ	Máy	2
	13	Đèn đọc phim X-quang 2 phim 30 x 40 cm	Cái	2
	14	Đèn đọc phim X-quang 1 phim 30 x 40 cm	Cái	2
	15	Hệ thống nội soi dạ dày tá tràng ống mềm video	Hệ thống	1
	16	Dao mổ điện cao tần 300W HF	Cái	1
	17	Máy gây mê kèm thở + Máy nén khí	Máy	1
	18	Đèn mổ di động ≥ 60.000 lux	Cái	1
	19	Đèn mổ treo trần ≥ 120.000 lux	Cái	1

	20	Bàn mổ đa năng điện - thủy lực	Cái	1
	21	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	Hệ thống	1
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Máy tạo ô xy di động 5 lít/phút	Máy	4
	2	Máy đo độ bão hòa ô xy loại để bàn	Máy	10
	3	Bộ khám điều trị TMH + Ghế	Bộ	1
	4	Bộ khám điều trị RHM + Ghế + Lấy cao răng bằng siêu âm	Bộ	1
	5	Máy đo độ đông máu	Máy	1
	6	Máy đo điện giải N+, K+, Cl - điện cực chọn lọc Ion	Máy	1
	7	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Máy	1
	8	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	1
	9	Máy ly tâm đa năng ≥ 4000 vòng/phút	Máy	1
	10	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	1
	11	Máy điện tim 6 kênh	Máy	2
	12	Máy khí dung siêu âm	Máy	3
	13	Máy làm ấm dịch truyền	Máy	1
	14	Máy sóng ngắn điều trị	Máy	1
	15	Máy điện từ trường điều trị	Máy	1
	16	Máy Laser điều trị	Máy	1
	17	Máy xung điện điều trị	Máy	1
	18	Monitor phòng mổ 6 thông số	Cái	1
20	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA H'LEO			
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1
	2	Máy X-Quang di động	Máy	1
	3	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3
	4	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	4
	5	Máy thở	Máy	1
	6	Máy gây mê	Máy	2
	7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	3
	8	Bơm tiêm điện	Cái	6
	9	Máy truyền dịch	Máy	6
	10	Dao mổ điện cao tần	Cái	2
	11	Máy phá rung tim	Máy	1
	12	Đèn mổ treo trần	Cái	2
	13	Đèn mổ di động	Cái	2
	14	Bàn mổ	Cái	2
	15	Máy điện tim	Máy	4
	16	Máy điện não	Máy	1
	17	Bộ nội soi dạ dày	Bộ	1
	18	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	19	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	2
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bộ đặt nội khí quản (5 lưỡi đèn)	Bộ	1

2	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh	Bộ	1
3	Kính hiển vi	Cái	5
4	Máy điện tim 3 cần	Máy	6
5	Máy đo nước tiểu 10 thông số	Máy	3
6	Máy hấp dụng cụ, tủ sấy tiệt trùng	Máy	6
7	Máy hút âm	Máy	2
8	Máy hút giúp sinh	Máy	4
9	Máy huyết học tự động	Máy	5
10	Máy li tâm	Máy	4
11	Máy phân tích HbA1C	Máy	1
12	Máy phân tích sinh hóa tự động có đo điện giải	Máy	1
13	Máy siêu âm	Máy	4
14	Máy sinh hóa tự động	Máy	2
15	Máy tạo oxy khí trời	Máy	20
16	Bộ đặt nội khí quản (3 lưỡi đèn)	Cái	2
17	Bộ dụng cụ cắt amydan	Bộ	1
18	Bộ dụng cụ chích, chấp lẹo	Bộ	1
19	Bộ dụng cụ đại phẫu 60k	Bộ	1
20	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt	Bộ	1
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật đa năng (112k)	Bộ	1
22	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hoa cắt dạ dày	Bộ	1
23	Bộ kính thử lực, kèm theo gọng (cận + viễn)	Bộ	1
24	Bộ nội soi trực tràng	Bộ	1
25	Bộ phẫu thuật ổ bụng	Bộ	1
26	Bộ phẫu thuật sản khoa	Bộ	1
27	Bộ phẫu thuật sản khoa (bao gồm kế hoạch hóa gia đình)	Bộ	1
28	Bộ phẫu thuật trung phẫu (31 khoản)	Bộ	1
29	Bộ phẫu thuật xương (69 khoản)	Bộ	1
30	Ghế + Bộ khám điều trị răng hàm mặt	Cái	1
31	Ghế + Bộ khám điều trị tai mũi họng	Cái	1
32	Giường kéo cột sống	Cái	1
33	Hệ thống khí oxyzen - Vacuum	Hệ thống	1
34	Hệ thống khí y tế	Hệ thống	1
35	Hệ thống khí y tế -Thiết bị ngoại vi - đồng hồ lưu lượng oxy	Hệ thống	1
36	Lồng ấp sơ sinh	Cái	2
37	Máy cắt bột	Máy	2
38	Máy đo điện giải cực chọn lọc N ⁺ , L ⁺ , cL Colominie	Máy	1
39	Máy đo độ bão hòa oxy	Máy	4
40	Máy đo độ đông máu	Máy	1
41	Máy đông máu bán tự động	Máy	1
42	Máy hút điện	Máy	5
43	Máy kéo cột sống	Máy	2
44	Máy khí dung siêu âm	Máy	1
45	Máy khoan xương điện	Máy	1

	46	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	Máy	1
	47	Máy laser điều trị	Máy	1
	48	Máy nghe tim thai	Máy	1
	49	Máy phân tích khí trong máu Colombinie	Máy	1
	50	Máy rửa dạ dày	Máy	1
	51	Máy rửa phim	Máy	2
	52	Máy sắc thuốc	Máy	1
	53	Máy siêu âm điều trị	Máy	1
	54	Máy sóng ngắn	Máy	1
	55	Máy từ trường	Máy	1
		BỘ PHẬN Y TẾ DỰ PHÒNG		
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Thiết bị đo ánh sáng	Cái	1
	2	Thiết bị đo mẫu khí bụi	Cái	1
	3	Thiết bị đo nhiệt ẩm cầm tay	Cái	1
	4	Máy đo độ ồn điện tử	Máy	1
	5	Máy phân tích huyết học tự động	Máy	1
	6	Máy li tâm	Máy	2
	7	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	1
21		TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG PẮK		
	I	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù		
	1	Hệ thống chụp CT- Scanner	Máy	1
	2	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4
	3	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	1
	4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	5	Máy thở	Máy	6
	6	Máy gây mê	Máy	3
	7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	3
	8	Bơm tiêm điện	Cái	3
	9	Máy truyền dịch	Máy	3
	10	Dao mổ điện cao tần	Cái	3
	11	Máy phá rung tim	Máy	3
	12	Đèn mổ treo trần	Cái	3
	13	Đèn mổ di động	Cái	2
	14	Bàn mổ	Cái	3
	15	Máy điện tim	Máy	4
	16	Máy điện não	Máy	1
	17	Hệ thống khám nội soi	Hệ thống	1
	18	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	1
	19	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	20	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
	21	Máy theo dõi sản khoa	Máy	5
	II	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác		
	1	Bộ dụng cụ lẻ phẫu thuật ngoại khoa mắt	Bộ	7

	2	Bộ dụng cụ ngoại khoa	Bộ	8
	3	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Bộ	8
	4	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Bộ	8
	5	Bộ dụng cụ sản khoa	Bộ	8
	6	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	11
	7	Bộ khám điều trị nội soi TMH, ghế	Bộ	6
	8	Bộ nội soi tiết niệu	Bộ	3
	9	Bộ soi đồng tử khúc xạ	Bộ	3
	10	Bộ tiểu phẫu	Bộ	17
	11	Bộ valy cấp cứu	Cái	2
	12	Đèn điều trị vàng da	Cái	7
	13	Đèn gù khám bệnh	Cái	8
	14	Đèn sưởi trẻ sơ sinh	Cái	9
	15	Ghế nha khoa (Ghế, Bộ khám RHM, lấy cao)	Cái	4
	16	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	5
	17	Khoan xương tay	Cái	3
	18	Máy phân tích khí máu	Máy	3
	19	Máy nước tiểu 10 thông số	Máy	6
	20	Lòng ấp dưỡng sinh cao cấp	Cái	3
	21	Máy cắt đốt điện cao tần	Máy	3
	22	Máy châm cứu	Máy	39
	23	Máy đo bộ bảo hòa oxy để bàn	Máy	8
	24	Máy đo điện giải	Máy	3
	25	Máy đo loãng xương	Máy	2
	26	Máy đông máu bán tự động	Máy	2
	27	Máy đốt cổ tử cung cao tần	Máy	3
	28	Máy hút dịch	Máy	18
	29	Máy khí dung siêu âm	Máy	12
	30	Máy khúc xạ kế tự động	Máy	2
	31	Máy làm âm dịch chuyên	Máy	3
	32	Máy laser điều trị	Máy	1
	33	Máy li tâm đa năng	Máy	2
	34	Máy rung cơ đông y	Máy	6
	35	Máy rửa dạ dày	Máy	5
	36	Máy tạo oxy di động	Máy	30
22	TRUNG TÂM DA LIỄU			
	I	Trang thiết bị chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy sinh hóa	Máy	1
	2	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Máy	1
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Tủ HOTS vô trùng	Cái	1
	2	Kính hiển vi 02 mắt	Cái	3
	3	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	Máy	1
	4	Máy ly tâm	Máy	1

	5	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	1
	6	Tủ sấy y dụng cụ	Cái	2
	7	Máy phân tích da	Máy	1
	8	Máy đốt điện sản khoa, da liễu	Máy	1
	9	Máy đốt LASER CO2 Siêu xung phẫu thuật 30W	Máy	1
	10	Máy đốt LASER CO2 phẫu thuật 45W	Máy	1
	11	Máy làm đẹp da công nghệ CO2	Máy	1
	12	Máy hút khói, khử mùi	Máy	2
	13	Máy PLASMA GX III	Máy	1
	14	Máy LASER thẩm mỹ	Máy	1
	15	Máy điện di	Máy	1
	16	Máy ly tâm	Máy	1
	17	Máy tiêm đa kim	Máy	1
	18	Máy lắc tròn	Máy	1
	19	Máy IPL	Máy	1
	20	Máy làm lạnh	Máy	1
	21	Máy xét nghiệm dị ứng tự động	Máy	1
23	TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA			
	I	Trang thiết bị chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy chụp X Quang	Máy	1
	2	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	1
	3	Máy phân tích nước tiểu	Máy	1
24	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA SÚP			
	I	Trang thiết bị chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X Quang	Máy	2
	2	Máy siêu âm	Máy	2
	3	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Máy	1
	4	Máy giúp thở	Máy	2
	5	Máy gây mê	Máy	1
	6	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	6
	7	Bơm tiêm điện	Cái	3
	8	Máy chuyển dịch đếm giọt	Cái	3
	9	Dao mổ điện	Cái	2
	10	Máy phá rung tim tạo nhịp	Máy	2
	11	Đèn mổ treo trần 2 nhánh	Cái	1
	12	Đèn mổ di động	Cái	3
	13	Bàn Mổ	Cái	1
	14	Máy điện tim 3 cần	Máy	2
	15	Máy điện não vi tính 32 kênh	Máy	1
	16	Bộ nội soi dạ dày ống mềm	Bộ	1
	17	Máy nội soi cổ tử cung	Máy	1
	18	Máy Monitor theo dõi sản khoa	Máy	2
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Máy tạo ô xy từ khí trời	Máy	2

	2	Máy đo độ bão hoà ô xy loại để bàn	Máy	2
	3	Máy hút dịch trong phòng mổ	Máy	2
	4	Máy hút dịch	Máy	3
	5	Máy khí dung	Máy	3
	6	Máy rửa dạ dày tự động	Máy	2
	7	Máy điện xung	Máy	3
	8	Máy điều trị điện phân , điện xung	Máy	1
	9	Máy kích thích điện 2 kênh	Máy	1
	10	Máy hiệu ứng nhiệt	Máy	4
	11	Máy đo khúc xạ tự động	Máy	2
	12	Máy rửa sấy phim tự động	Máy	1
	13	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	2
	14	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng	Bộ	1
	15	Bộ dụng cụ đại phẫu	Bộ	1
	16	Bộ hồi sức sơ sinh	Bộ	2
	17	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	1
	18	Bộ đặt nội khí quản người lớn	Bộ	2
	19	Bộ tiểu phẫu	Bộ	2
	20	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	3
	21	Bộ mổ ruột thừa	Bộ	1
	22	Bộ dụng cụ mổ ruột thừa	Bộ	2
	23	Bộ rửa tay triệt trùng	Bộ	1
	24	Bộ khám ngũ quan	Bộ	3
	25	Kính hiển vi hai mắt	Cái	3
	26	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	1
	27	Máy huyết học tự động 18 thông số	Máy	2
	28	Máy ly tâm	Máy	2
	29	Máy phân tích nước tiểu	Máy	4
	30	Máy sinh hóa bán tự động	Máy	2
	31	Máy đo điện giải	Máy	1
	32	Máy điện giải K ⁺ ,Na ⁺ ,K ⁺	Máy	1
	33	Máy phân tích nước tiểu 11TS	Máy	2
	34	Máy phân tích điện giải	Máy	1
	35	Máy ly tâm máu Centurion	Máy	1
	36	Hệ thống Elisa	Hệ thống	1
	37	Máy điều trị kết hợp đa chức năng	Máy	1
		BỘ PHẬN Y TẾ DỰ PHÒNG		
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Máy đo độ rung	Máy	1
	2	Máy đo lực bóp tay	Máy	1
	3	Máy đo bức xạ	Máy	1
	4	Máy đo ánh sáng	Máy	1
	5	Máy đo bụi môi trường	Máy	1
	6	Máy đo độ ồn	Máy	1

	7	Máy đo tốc độ gió	Máy	1
	8	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	Máy	1
	9	Máy ly tâm máu	Máy	1
	10	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	2
	11	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	1
	12	Máy đo Ph để bàn	Máy	1
	13	Máy đo PH cầm tay	Máy	2
	14	Máy Quang phổ kế	Máy	1
	15	Máy lắc	Máy	1
	16	Máy xay mẫu	Máy	1
	17	Máy khuấy từ	Máy	1
	18	Máy Xét nghiệm nước tiểu 10 TS	Máy	1
25	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỊ XÃ BUÔN HỒ			
	I	Trang thiết bị chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X quang di động	Máy	1
	2	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
	3	Máy Siêu âm tổng quát	Máy	4
	4	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	5	Máy thở	Máy	3
	6	Máy gây mê	Máy	3
	7	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	6
	8	Bơm tiêm điện	Cái	21
	9	Máy truyền dịch	Máy	21
	10	Dao mổ điện cao tần	Cái	2
	11	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	2
	12	Máy phá rung tim	Máy	3
	13	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1
	14	Đèn mổ treo trần	Cái	2
	15	Đèn mổ di động	Cái	2
	16	Bàn mổ	Cái	2
	17	Máy điện tim	Máy	6
	18	Máy điện não	Máy	1
	19	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, tá tràng)	Hệ thống	1
	20	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	1
	21	Máy soi cổ tử cung	Máy	2
	22	Máy theo dõi sản khoa hai chức năng	Máy	2
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Máy phân tích huyết học tự động	Máy	2
	2	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	1
	3	Máy đo điện giải	Máy	1
	4	Máy đo độ đông máu cầm tay Hospitex	Máy	1
	5	Máy ly tâm đa năng $\geq 6000v/phút$	Máy	1
	6	Máy ly tâm mao (ống mao dẫn)	Máy	1
	7	Máy phân tích khí trong máu Combiline	Máy	1

8	Máy phân tích nước tiểu	Máy	1
9	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò kèm máy in	Máy	1
10	Máy Xquang di động Movix 4.0 E +	Máy	1
11	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	8
12	Máy hút điện	Máy	3
13	Máy hút điện chạy liên tục, áp lực thấp	Máy	2
14	Máy tạo oxy di động 5 lít/phút	Máy	10
15	Máy thở CPAP	Máy	2
16	Máy hút đờm giải áp lực cao	Máy	4
17	Giường điện đa năng	Cái	59
18	Bộ nội soi trực tràng ống cứng	Bộ	1
19	Máy đo độ loãng xương toàn thân	Máy	1
20	Máy hút dịch Hansin suction	Máy	1
21	Đèn tia cực tím	Cái	1
22	Bộ dụng cụ phẫu thuật	Bộ	1
23	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy	6
24	Bàn kéo nắn xương đa năng	Cái	2
25	Bộ sản phụ khoa	Bộ	2
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa (cắt dạ dày) 30 khoản	Bộ	1
27	Bộ soi trực tràng loại ống cứng	Bộ	1
28	Hệ thống rửa tay phẫu thuật viên	Hệ thống	1
29	Máy đo độ bão hòa oxy và nhịp mạch để bàn	Máy	1
30	Máy đốt cổ tử cung cao tần hoặc Laser	Máy	1
31	Máy hút dịch phòng mổ	Máy	2
32	Máy khoan xương	Máy	2
33	Đèn mổ di động 5 bóng	Cái	1
34	Máy đo độ bão hòa oxy	Máy	1
35	Đèn điều trị vàng da XHZ-90	Cái	3
36	Máy hút thai	Máy	1
37	Lồng ấp sơ sinh	Cái	2
38	Monitor sản khoa 2 chức năng	Cái	1
39	Máy đốt cổ tử cung YESNG	Máy	1
40	Máy sưởi ẩm	Máy	1
41	Máy hút nhót	Máy	1
42	Máy nghe tim thai cầm tay	Máy	4
43	Máy phân tích nước tiểu Clinitex status	Máy	1
44	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Máy	1
45	Máy phân tích huyết học 20 thông số tự động	Máy	1
46	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	Máy	1
47	Máy phân tích huyết học 33 thông số	Máy	1
48	Bơm hút nước thải máy sinh hóa	Cái	1
49	Máy điện từ trường điều trị	Máy	1
50	Máy Laze điều trị 25W	Máy	1
51	Máy sóng ngắn điều trị	Máy	1

	52	Máy kéo cột sống kết hợp cổ và lưng	Máy	3
	53	Monitor theo dõi sản khoa đơn FC - 700	Cái	1
	54	Máy hấp tiệt trùng để bàn SA-300 VF và phụ tùng	Máy	2
	55	Bộ dụng cụ cắt amidan	Bộ	1
	56	Bộ phẫu thuật mắt gồm 14 khoản	Bộ	1
	57	Bộ khám mắt	Bộ	2
	58	Bộ phẫu thuật mắt	Bộ	1
	59	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Cái	1
	60	Máy nha osada	Máy	2
	61	Bộ dụng cụ chích, chấp lẹo	Bộ	1
	62	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng	Bộ	1
	63	Bộ khám điều trị THM + ghê	Bộ	1
	64	Đèn khám mắt hình búa	Cái	2
	65	Đèn soi đáy mắt pin đại hiệu Hein	Cái	4
	66	Ghê + Bộ khám điều trị RHM + lấy cao răng	Cái	2
	67	Máy đo khúc xạ mắt tự động	Máy	1
	68	Hệ thống nước rửa tay tiệt trùng phòng mổ 2 vòi	Hệ thống	1
	69	Dụng cụ cắt Amidan 15 chi tiết	Cái	1
	70	Máy nội soi tai mũi họng ống mềm	Máy	1
	71	Máy cạo vôi răng	Máy	2
26	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BUÔN HỒ			
	I	Trang thiết bị chuyên dùng đặc thù		
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	TTYT TX Buôn hồ		
	1	Máy điện châm	Máy	1
	2	Máy điện tim	Máy	1
	3	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	1
	4	Máy đo độ rung	Máy	1
	5	Máy đo nhiệt độ	Máy	1
	6	Máy đo thân nhiệt từ xa cầm tay	Máy	1
	7	Máy đo thị lực	Máy	1
	8	Máy đo thị lực bóp tay chân	Máy	1
	9	Máy hút muối	Máy	1
	10	Máy ly tâm	Máy	1
	11	Máy nước nóng lạnh	Máy	4
	12	Máy phân tích nước tiểu	Máy	1
	13	Máy quang phổ	Máy	1
	14	Máy siêu âm xách tay đen trắng	Máy	1
27	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT			
	I	Trang thiết bị chuyên dùng đặc thù		
	1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	3
	2	Máy X quang di động	Máy	1
	3	Máy X quang C Arm	Máy	1
	4	Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1

	5	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1
	6	Máy siêu âm tổng quát	Máy	3
	7	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Máy	1
	8	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Máy	1
	9	Máy thận nhân tạo	Máy	25
	10	Máy thở	Máy	8
	11	Máy gây mê	Máy	3
	12	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	13
	13	Bơm tiêm điện	Cái	15
	14	Máy truyền dịch	Máy	15
	15	Dao mổ điện cao tần	Cái	3
	16	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	3
	17	Máy phá rung tim	Máy	5
	18	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	2
	19	Đèn mổ treo trần	Cái	3
	20	Đèn mổ di động	Cái	4
	21	Bàn mổ	Cái	4
	22	Máy điện tim	Máy	6
	23	Máy điện não	Máy	1
	24	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	2
	25	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	2
	26	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1
	27	Máy soi cổ tử cung	Máy	1
	28	Máy theo dõi sản khoa hai chức năng	Máy	5
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Máy hút	Máy	22
	2	Máy tạo oxy	Máy	13
	3	Máy khoan bào đa năng	Máy	2
	4	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	Máy	3
	11	Máy đo độ khúc xạ tự động	Máy	2
	12	Máy đốt điện	Máy	1
	13	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trẻ em	Máy	7
	14	Khoan điện phòng mổ	Cái	4
	15	Khoan tay phòng mổ	Cái	2
	16	Kính sinh hiển vi phẫu thuật đa chức năng	Cái	2
	17	Đèn khe khám mắt	Cái	2
	18	Kính hiển vi mổ mắt	Cái	1
	19	Máy laser bán dẫn nội mạch	Máy	1
	20	Máy khí dung	Máy	22
	21	Đèn điều trị vàng da	Cái	3
	22	Kính hiển vi điện tử 2 mắt	Cái	5
	23	Máy ly tâm	Máy	6
	30	Máy hút âm	Máy	6
	31	Bộ soi đồng tử khúc xạ	Bộ	1

32	Cưa bột	Cái	4
33	Bộ kính thử thị lực kèm gọng	Bộ	1
34	Máy hấp rác thải y tế	Máy	2
35	Máy xúc rửa dạ dày	Máy	1
36	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	7
37	Bộ đại phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ	2
38	Bộ phẫu thuật sản khoa (gồm cả KHHGD)	Bộ	6
39	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi bụng và tiết niệu	Bộ	2
43	Máy nghe tim thai	Máy	4
44	Máy áp lạnh tử cung	Máy	1
46	Đèn sấy quang trùng hợp	Cái	4
47	Máy cạo vôi răng	Máy	6
48	Máy chụp X quang răng KTS	Máy	1
49	Máy điều trị tuỷ và định vị chóp răng	Máy	1
52	Hệ thống máy phẫu thuật Phaco	Hệ thống	1
53	Máy siêu âm mắt AB	Máy	1
54	Máy đo nhãn áp tự động	Máy	1
66	Máy điện xung, điện phân	Máy	1
67	Máy châm cứu đa năng	Máy	15
68	Máy điện châm đông á	Máy	1
69	Máy kéo cột sống thắt lưng, cổ có điều chỉnh độ cao	Máy	1
70	Máy siêu âm điều trị 2 đầu phát để bàn	Máy	1
71	Máy sóng ngắn điều trị (thiết bị vi sóng trị liệu)	Máy	1
72	Máy điện trị liệu xung kích	Máy	1
73	Máy điều trị 3 chức năng điện xung, điện phân, siêu âm với điện cực giác hút Physys	Máy	1
74	Máy trị liệu giác hút chân không	Máy	1
75	Máy làm ấm dịch truyền	Máy	2
76	Máy xét nghiệm huyết học tự động 23 thông số	Máy	3
77	Máy xét nghiệm đông máu tự động	Máy	2
78	Máy đo điện giải đồ 5 thông số	Máy	1
79	Máy xét nghiệm 11 thông số nước tiểu	Máy	2
80	Máy xét nghiệm lắng máu tự động	Máy	2
85	Máy rửa quả lọc thận nhân tạo	Máy	5
86	Máy nội soi trực tràng	Máy	1
87	Máy nội soi đại tràng	Máy	1
88	Máy X quang thông thường	Máy	2
89	Máy đốt điện cổ tử cung	Máy	4
90	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Bộ	1
91	Bộ đóng đinh nội tủy có chốt	Bộ	1
92	Bộ dụng cụ vi phẫu thuật mắt	Bộ	2
96	Máy siêu âm màu	Máy	3
97	Máy siêu âm màu 4D (3 đầu dò)	Máy	1
98	Máy X quang kỹ thuật số DR	Máy	1

	99	Máy đo độ bão hòa Oxy trong máu	Máy	8
28	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT			
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Máy điện tim	Máy	1
	2	Ghế máy nha khoa	Máy	1
	3	Máy ly tâm 8 ống	Máy	1
	4	Kính hiển vi	Máy	4
	5	Máy huyết học	Máy	2
	6	Máy phân tích nước tiểu	Máy	2
	7	Máy li tâm	Máy	1
	8	Máy lắc	Máy	1
	9	Máy RPR	Máy	1
	10	Máy siêu âm trắng đen	Máy	1
	11	Thiết bị đo lường bụi	Máy	1
	12	Máy đo độ rung	Máy	1
	13	Máy đo độ ồn	Máy	1
29	TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM			
	II	Trang thiết bị chuyên dùng khác		
	1	Bể cách thủy	Cái	1
	2	Bể lắc siêu âm	Cái	2
	3	Bể ổn nhiệt	Cái	1
	4	Bếp cách dầu	Cái	1
	5	Bếp cách thủy	Cái	3
	6	Bộ dụng cụ soi độ trong	Bộ	1
	7	Bộ quả cân chuẩn	Bộ	1
	8	Cân phân tích	Cái	7
	9	Cân đo độ ẩm	Cái	1
	10	Cân kỹ thuật	Cái	3
	11	Đèn soi Uv	Cái	2
	12	Máy đo nhiệt độ	Máy	4
	13	Hệ thống đo vòng vô khuẩn tự động	Hệ thống	2
	14	Hệ thống lọc vô trùng (Bơm hút chân không, màng lọc)	Hệ thống	1
	15	Khúc xạ kế	Cái	1
	16	Kính hiển vi	Cái	3
	17	Lò nung	Cái	2
	18	Máy cất nước hai lần	Máy	2
	19	Máy cất nước một lần	Máy	1
	20	Máy chuẩn độ điện thế	Máy	2
	21	Máy chuẩn độ Karl – Fischer	Máy	2
	22	Máy chưng cất đậm	Máy	1
	23	Máy đếm khuẩn lạc	Máy	1
	24	Máy đo độ hòa tan	Máy	2
	25	Máy đo độ PH	Máy	3

26	Máy đo độ rã	Máy	2
27	Máy đồng nhất mẫu	Máy	1
28	Máy hấp thu nguyên tử AAS	Máy	1
29	Máy HPLC	Máy	3
30	Máy khuấy từ	Máy	2
31	Máy lắc	Máy	4
32	Máy li tâm	Máy	2
33	Máy lọc nước siêu sạch	Máy	1
34	Máy nghiền mẫu	Máy	2
35	Máy đo điểm nóng chảy	Máy	1
36	Máy phân cực kế	Máy	2
37	Máy quang phổ hồng ngoại	Máy	1
38	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	Máy	3
39	Máy xay mẫu khô	Máy	1
40	Nồi hấp	Cái	3
41	Thiết bị ngưng kết	Cái	1
42	Tủ ẩm	Cái	6
43	Tủ cấy an toàn sinh học cấp II	Cái	6
44	Tủ hút khí độc	Cái	3
45	Tủ lạnh (bảo quản chất chuẩn và lưu mẫu)	Cái	3
46	Tủ mát	Cái	1
47	Tủ sấy	Cái	5
48	Bộ chuẩn quang/phức cho máy chuẩn độ điện thế	Bộ	1
49	Máy đếm kích thước tiểu phân không khí	Máy	1
50	Bộ chiết Soxhlet thủy tinh	Bộ	1
51	Máy đo độ dẫn điện	Máy	1
52	Bộ tiêm mẫu tự động của máy AAS	Bộ	1
53	Tủ âm sâu	Cái	1
54	Tủ ẩm mát	Cái	1
55	Hệ thống lọc chân không lọc vi sinh	Hệ thống	1
56	Máy đo độ đục	Máy	1
57	Lò vi sóng phá mẫu (Sử dụng đi kèm máy AAS)	Cái	1
58	Máy đo clo dư	Máy	1
59	Tủ đựng hóa chất	Cái	2
60	Dụng cụ định lượng tinh dầu	Cái	1
61	Bể rửa siêu âm	Cái	1
62	Nhiệt kế hồng ngoại điện tử cầm tay	Cái	1
63	Hệ thống LCMS /MS (Tử cực)	Hệ thống	1
64	Quang kế ngọn lửa	Cái	1
65	Máy sắc ký ion	Máy	1
66	Bộ gia nhiệt Karl fischer	Bộ	1
67	Màng lọc cho tủ hút khí độc	Cái	1
68	Buồng soi UV 2 bước sóng	Cái	1
69	Máy quang phổ Raman	Máy	1

	70	Hệ thống GCMS	Hệ thống	1
30		TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (184 TRẠM)		
	1	Máy điện tim 3 kênh	Máy	1
	2	Máy siêu âm chẩn đoán loại xách tay	Máy	1
	3	Máy khí dung	Máy	1
	4	Kính hiển vi	Máy	1
	5	Máy xét nghiệm sinh hoá	Máy	1
	6	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	1
	7	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	1
	8	Máy ly tâm nước tiểu	Máy	1

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2020/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BXD, ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định việc phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BXD ngày 01/12/2009 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý giá dịch vụ nhà chung cư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 06/TTr-SXD ngày 10/01/2020 và Công văn số 1305/SXD-QLN ngày 07/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành tại Quyết định này được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Thu kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn theo quy định tại Điều 106 Luật Nhà ở.

- Làm cơ sở để các bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua nhà ở hoặc trong trường hợp có tranh chấp về giá dịch vụ giữa đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư với chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; trường hợp

không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư thì áp dụng mức giá trong khung giá dịch vụ theo Quyết định này.

b) Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành tại Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp sau: Nhà chung cư xã hội chỉ để học sinh, sinh viên và công nhân ở theo hình thức tập thể nhiều người trong một phòng; đã thống nhất về giá dịch vụ quản lý tại Hội nghị nhà chung cư; đã có thỏa thuận chung về giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trong hợp đồng mua bán, thuê, thuê mua căn hộ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà chung cư; chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; Ban quản trị nhà chung cư; đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư.

b) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà chung cư.

c) Các Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà chung cư.

Điều 2. Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư

1. Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở chung cư:

Đơn vị tính: Đồng/m²thông thủy/tháng.

STT	Hạng nhà chung cư	Mức giá tối thiểu	Mức giá đối đa
1	Nhà Chung cư hạng A	3.000	9.000
2	Nhà Chung cư hạng B	2.000	7.000
3	Nhà Chung cư hạng C	1.000	5.000

- Khung giá trên chưa tính đến các khoản thu được từ kinh doanh dịch vụ của nhà chung cư, trường hợp có nguồn thu từ kinh doanh các dịch vụ khác thuộc phần sở hữu chung của nhà chung cư Chủ đầu tư, Ban quản trị và đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm tính toán để bù đắp chi phí dịch vụ nhà chung cư nhằm mục đích giảm giá dịch vụ nhà chung cư.

- Khung giá trên không bao gồm kinh phí bảo trì phần sở hữu chung, chi phí trông giữ xe, chi phí sử dụng nhiên liệu, năng lượng, nước sinh hoạt, dịch vụ truyền hình, thông tin liên lạc và các chi phí dịch vụ khác phục vụ cho việc sử dụng riêng của chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư.

2. Đối với phần diện tích sử dụng để làm việc và kinh doanh, áp dụng mức thu trên nhân với hệ số 1,2.

3. Trường hợp giữa bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ đã có thỏa thuận về các điều kiện liên quan đến giá trị dịch vụ nhà chung cư thì thực hiện theo thỏa thuận

đó; các loại dịch vụ chưa có hoặc có nhưng chưa đủ thành phần công việc (về tần suất, chất lượng) trong giá dịch vụ nhà chung cư được ban hành theo quyết định này, thì người sử dụng dịch vụ và doanh nghiệp tổ chức vận hành, cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thỏa thuận với nhau theo đúng các quy định hiện hành.

4. Kinh phí bảo trì chung cư (2% tiền bán nhà) chỉ được sử dụng cho việc bảo trì chung cư, không được sử dụng vào việc quản lý, vận hành nhà chung cư và các mục đích khác.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh và các ngành có liên quan: Tiếp nhận, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý giá dịch vụ nhà chung cư; lập kế hoạch kiểm tra việc thực hiện quản lý giá dịch vụ nhà chung cư làm cơ sở xây dựng, điều chỉnh giá dịch vụ nhà chung cư cho phù hợp với tình hình thực tế, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Giám sát việc thực hiện hợp đồng của đơn vị quản lý vận hành; đồng thời định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh việc thu, chi liên quan đến khung giá dịch vụ nhà chung cư nếu UBND tỉnh yêu cầu.

c) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi tài chính về quản lý vận hành do đơn vị quản lý vận hành thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.

d) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố:

a) Kiểm tra, theo dõi và tổng hợp báo cáo về các vướng mắc, phát sinh tranh chấp trong lĩnh vực quản lý dịch vụ nhà chung cư tại địa phương gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Phổ biến, tuyên truyền cho các bên có liên quan về việc quản lý, sử dụng nhà chung cư theo các quy định hiện hành.

3. Đơn vị quản lý, vận hành có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, vận hành và cung cấp các dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, tạo lập nếp sống văn minh đô thị cho người dân sinh sống trong khu nhà chung cư; đồng thời duy trì chất lượng, kiến trúc, cảnh quan, vệ sinh môi trường của khu nhà chung cư.

b) Tổ chức thu, chi, hạch toán giá dịch vụ nhà chung cư và các nguồn thu, chi khác đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

c) Định kỳ 06 tháng báo cáo tình hình quản lý hoạt động về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2020, thay thế Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành khung giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý vận hành và sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số:01/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên
Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông Vũ Hồng Văn, nguyên Giám đốc Công an tỉnh, lý do đã điều động công tác khác.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 02/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên
Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông Phạm Thái, nguyên Giám đốc Sở Công thương, lý do đã nghỉ hưu theo chế độ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 03/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên
Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông Bùi Thanh Lam, nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, lý do đã nghỉ hưu theo chế độ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 04/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh
Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông Lê Văn Tuyền, Giám đốc Công an tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch
sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-KTNS ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh quy mô, số lượng và địa điểm dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, số lượng, địa điểm dự án, công trình thuộc chỉ tiêu đất công trình năng lượng trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Đắk Lắk như sau:

Điều chỉnh quy mô, số lượng và địa điểm các dự án điện năng lượng tái tạo trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk từ 19 danh mục dự án với tổng diện tích 7.494 ha thành 75 danh mục dự án với tổng diện tích 7.494 ha; trong đó:

- 26 danh mục dự án nhà máy điện mặt trời với tổng diện tích 5.211 ha;
- 49 danh mục dự án nhà máy điện gió với tổng diện tích 2.283 ha.

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh quy mô, số lượng, địa điểm dự án, công trình thuộc chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Giảm chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh tại 03 huyện với tổng diện tích 96 ha, gồm:

- + Tại huyện Ea Kar: Giảm 23 ha.
- + Tại huyện Krông Ana: Giảm 33 ha.
- + Tại huyện Krông Bông: Giảm 40 ha.

- Tăng chỉ tiêu bổ sung dự án Công viên Nghĩa trang Vĩnh Hằng An Lạc Viên tại xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, diện tích 96 ha vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Buôn Đôn đến năm 2020.

(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo)

Điều 2. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cập nhật nội dung điều chỉnh nêu trên vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**Biểu 01: Điều chỉnh quy mô, số lượng, địa điểm dự án, công trình
thuộc chỉ tiêu đất công trình năng lượng trong kế hoạch sử dụng đất của tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án	Diện tích	Địa điểm
	Tổng	7,494	
A	Dự án điện mặt trời	5,211	
I	Huyện Buôn Đôn	307	
1	Nhà máy điện mặt trời Srêpôk 1	60	Huyện Buôn Đôn
2	Nhà máy điện mặt trời Quang Minh	60	Huyện Buôn Đôn
3	Nhà máy điện mặt trời Jang Pông	34	Huyện Buôn Đôn
4	Nhà máy điện mặt trời trên hồ thủy điện Srêpôk 3	4	Huyện Buôn Đôn
5	Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn	50	Huyện Buôn Đôn
6	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Buôn Đôn 1	60	Huyện Buôn Đôn
7	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Buôn Đôn 2	40	Huyện Buôn Đôn
II	Huyện Cư M'gar	144	
8	Nhà máy điện mặt trời Buôn Joong	24	Huyện Cư M'gar
9	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Cư M'gar	120	Huyện Cư M'gar
III	Huyện Ea H'leo	380	
10	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea H'leo 1	66	Huyện Ea H'leo
11	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea H'leo 2	314	Huyện Ea H'leo
IV	Huyện Ea Súp	4,246	
12	Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện	2,200	Huyện Ea Súp
13	Nhà máy năng lượng sạch Rừng Xanh	460	Huyện Ea Súp
14	Nhà máy điện mặt trời Long Thành (thuộc dự án điện mặt trời Long thành)	305	Huyện Ea Súp

15	Nhà máy điện mặt trời Long Thành 1 (thuộc dự án điện mặt trời Long thành)	65	Huyện Ea Súp
16	Nhà máy điện mặt trời Ia Lốp (thuộc dự án điện mặt trời Long thành)	65	Huyện Ea Súp
17	Nhà máy điện mặt trời Ia Lốp 1 (thuộc dự án điện mặt trời Long thành)	65	Huyện Ea Súp
18	Đất dự trữ phát triển năng lượng	177	Huyện Ea Súp
19	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea Súp 1	60	Huyện Ea Súp
20	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea Súp 2	11	Huyện Ea Súp
21	Nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea Súp 3	838	Huyện Ea Súp
V	Huyện Krông Ana	4	
22	Nhà máy điện mặt trời trên hồ thủy điện Buôn Kuốp	4	Huyện Krông Ana
VI	Huyện Krông Bông	75	
23	Nhà máy điện mặt trời Hòa Sơn	75	Huyện Krông Bông
VII	Huyện Krông Pắc	1	
24	Nhà máy điện mặt trời trên Hồ Krông Búk Hạ	1	Huyện Krông Pắc
VIII	Thành phố Buôn Ma Thuột	54	
25	Nhà máy điện mặt trời Hòa Phú 1	22	Thành phố Buôn Ma Thuột
26	Nhà máy điện mặt trời Hòa Phú 2	32	Thành phố Buôn Ma Thuột
B	Dự án điện gió	2,283	
I	Dự án thực hiện trên nhiều địa bàn cấp huyện	1,308	
1	Nhà máy điện gió tại 11 huyện, thị xã, thành phố	665	11 huyện, thị xã, thành phố. Trong đó:
		51	Thành phố Buôn Ma Thuột
		51	Thị xã Buôn Hồ
		51	Huyện Cư Kuin
		51	Huyện Cư M'gar
		52	Huyện Ea H'leo
		51	Huyện Ea Kar

		51	Huyện Krông Ana
		51	Huyện Krông Bông
		52	Huyện Krông Búk
		51	Huyện Krông Năng
		51	Huyện Krông Pắc
		51	Huyện Lắk
		51	Huyện M'drắk
2	Nhà máy điện gió tại các huyện Cư Kuin, Krông Bông 1	25	Các huyện Cư Kuin, Krông Bông. Trong đó:
		11	Huyện Cư Kuin
		14	Huyện Krông Bông
3	Nhà máy điện gió tại các huyện Cư Kuin, Krông Bông 2	27	Các huyện Cư Kuin, Krông Bông. Trong đó:
		12	Huyện Cư Kuin
		15	Huyện Krông Bông
4	Nhà máy điện gió tại các huyện Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng, thị xã Buôn Hồ 1	179	Các huyện Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng, thị xã Buôn Hồ. Trong đó:
		35	Huyện Cư M'gar
		36	Huyện Ea H'leo
		36	Huyện Krông Búk
		36	Huyện Krông Năng
		36	Thị xã Buôn Hồ
5	Nhà máy điện gió tại các huyện Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng, thị xã Buôn Hồ 2	36	Các huyện Cư M'gar, Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng, thị xã Buôn Hồ. Trong đó:
		7	Huyện Cư M'gar
		7	Huyện Ea H'leo
		8	Huyện Krông Búk
		7	Huyện Krông Năng
		7	Thị xã Buôn Hồ

6	Nhà máy điện gió tại các huyện Ea H'leo, Krông Búk	21	Các huyện Ea H'leo, Krông Búk. Trong đó:
		10	Huyện Ea H'leo
		11	Huyện Krông Búk
7	Nhà máy điện gió tại các huyện Ea H'leo, Krông Búk, Cư M'gar	117	Các huyện Ea H'leo, Krông Búk, Cư M'gar. Trong đó:
		24	Huyện Ea H'leo
		61	Huyện Krông Búk
		32	Huyện Cư M'gar
8	Nhà máy điện gió tại các huyện Ea H'leo, Krông Năng	27	Các huyện Ea H'leo, Krông Năng. Trong đó:
		20	Huyện Ea H'leo
		7	Huyện Krông Năng
9	Nhà máy điện gió tại các huyện Ea Kar, M'drắk	70	Các huyện Ea Kar, M'drắk. Trong đó:
		40	Huyện Ea Kar
		30	Huyện M'drắk
10	Nhà máy điện gió tại các huyện huyện Krông Búk, Krông Năng	13	Các huyện Krông Búk, Krông Năng. Trong đó:
		10	Huyện Krông Búk
		3	Huyện Krông Năng
11	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ 1	16	Huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ. Trong đó:
		5	Huyện Cư M'gar
		11	Thị xã Buôn Hồ
12	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ 2	14	Huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ. Trong đó:
		12	Huyện Cư M'gar
		2	Thị xã Buôn Hồ
13	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ 3	88	Thị xã Buôn Hồ, huyện Cư M'gar
		23	Huyện Cư M'gar
		65	Thị xã Buôn Hồ

14	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk, thị xã Buôn Hồ	11	Các huyện Cư M'gar, Krông Búk, thị xã Buôn Hồ. Trong đó:
		2	Huyện Cư M'gar
		1	Huyện Krông Búk
		8	Thị xã Buôn Hồ
II	Huyện Cư M'gar	134	
15	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar 1	16	Huyện Cư M'gar
16	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar 2	14	Huyện Cư M'gar
17	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar 3	71	Huyện Cư M'gar
18	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar 4	34	Huyện Cư M'gar
III	Huyện Ea H'leo	590	
19	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 1	140	Huyện Ea H'leo
20	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 2	40	Huyện Ea H'leo
21	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 3	6	Huyện Ea H'leo
22	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 4	7	Huyện Ea H'leo
23	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 5	13	Huyện Ea H'leo
24	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 6	34	Huyện Ea H'leo
25	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 7	34	Huyện Ea H'leo
26	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 8	19	Huyện Ea H'leo
27	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 9	38	Huyện Ea H'leo
28	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 10	15	Huyện Ea H'leo
29	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 11	10	Huyện Ea H'leo
30	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 12	16	Huyện Ea H'leo
31	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 13	16	Huyện Ea H'leo

32	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 14	18	Huyện Ea H'leo
33	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 15	18	Huyện Ea H'leo
34	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 16	13	Huyện Ea H'leo
35	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 17	105	Huyện Ea H'leo
36	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 18	47	Huyện Ea H'leo
IV	Huyện Krông Búk	108	
37	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 1	8	Huyện Krông Búk
38	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 2	7	Huyện Krông Búk
39	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 3	10	Huyện Krông Búk
40	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 4	14	Huyện Krông Búk
41	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 5	29	Huyện Krông Búk
42	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 6	18	Huyện Krông Búk
43	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 7	21	Huyện Krông Búk
V	Huyện Krông Năng	84	
44	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Năng 1	33	Huyện Krông Năng
45	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Năng 2	17	Huyện Krông Năng
46	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Năng 3	35	Huyện Krông Năng
VI	Huyện Krông Pắc	17	
47	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Pắc	17	Huyện Krông Pắc
VII	Thị xã Buôn Hồ	40	
48	Nhà máy điện gió tại thị xã Buôn Hồ 1	5	Thị xã Buôn Hồ
49	Nhà máy điện gió tại thị xã Buôn Hồ 2	35	Thị xã Buôn Hồ

Biểu 02: Điều chỉnh chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong kế hoạch sử dụng đất của tỉnh
(Kèm theo Nghị quyết số 05 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án	Diện tích	Địa điểm
I	Bổ sung chỉ tiêu đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	96	
1	Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng An Lạc Viên	96	Huyện Buôn Đôn
II	Điều chỉnh giảm chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	96	
1	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân huyện Ea Kar	23	Huyện Ea Kar
2	Quy hoạch đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tại huyện Krông Bông	40	Huyện Krông Bông
3	Quy hoạch đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tại huyện Krông Ana	33	Huyện Krông Ana

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 06 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán
ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 28 /TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn: 5.876.713 triệu đồng

Trong đó:

- Thu nội địa: 5.671.873 triệu đồng

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 204.840 triệu đồng

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 17.628.831 triệu đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 5.230.129 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 10.285.743 triệu đồng

- Thu kết dư ngân sách năm trước:	351.624 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn:	1.690.599 triệu đồng
- Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách:	49.740 triệu đồng
- Các khoản huy động đóng góp:	18.780 triệu đồng
- Thu vay từ nguồn Chính phủ vay cho vay lại:	2.216 triệu đồng

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 17.154.202 triệu đồng

Trong đó:

- Chi trong cân đối ngân sách địa phương:	12.500.732 triệu đồng
- Chi thực hiện CTMTQG, MTNV:	1.971.311 triệu đồng
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	2.456.087 triệu đồng
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	84.572 triệu đồng
- Chi trả nợ gốc:	141.500 triệu đồng

4. Số kết dư ngân sách địa phương: 474.629 triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh:	945.796.662 đồng (làm tròn 946 triệu đồng)
- Ngân sách cấp huyện:	373.903 triệu đồng
- Ngân sách cấp xã:	99.780 triệu đồng

5. Xử lý số kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2018:

Xử lý số kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2018, số tiền 945.796.662 đồng (*Chín trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng*) như sau:

- Trích bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương (50%): 472.898.331 đồng;
- Số còn lại hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh năm 2019: 472.898.331 đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 07/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án:
Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị
Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên nam; cải tạo, mở rộng nhà bệnh xá; cải tạo, sửa chữa nhà ở học viên nữ, nhà mái che sân nhà ăn nam (khu B); hạ tầng kỹ thuật và bổ sung trang thiết bị.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 4, xã Tân Tiến, Huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (trong khuôn viên Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk đang quản lý sử dụng).

6. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu ăn ở, sinh hoạt, khám điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy; giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách của người nghiện, dạy nghề, dạy nghề, lao động sản xuất, tái hòa nhập cộng đồng cho người nghiện ma túy

- Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

7. Hình thức đầu tư: Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị.

8. Quy mô đầu tư:

a) Phần xây dựng:

- Cải tạo nâng cấp nhà ở học viên nam: Nhà xây cấp III; chiều cao 02 tầng; diện tích xây dựng 434,52 m²; diện tích sàn 869,04 m².

- Cải tạo, mở rộng nhà bệnh xá: Nhà xây cấp III; chiều cao 02 tầng; diện tích xây dựng 293,76 m²; diện tích sàn 587,52 m².

- Cải tạo, sửa chữa nhà ở học viên nữ: Nhà xây cấp III; chiều cao 01 tầng; diện tích xây dựng 250,8 m².

- Tháo dỡ nhà ở học viên nam và một phần nhà bệnh xá (cũ) 395,25m².

- Hạ tầng kỹ thuật gồm: Sân bê tông trước nhà ở học viên nam 427 m²; sân bê tông trước nhà bệnh xá 292 m²; tường rào xây ngăn cách giữa nhà ở học viên nam và nhà bếp dài 16m; mái che sân khu nhà ăn nam (khu B) 230m²; giếng khoan sâu 150 m; bổ sung hệ thống cấp điện chiếu sáng; bổ sung hệ thống cấp thoát nước tổng thể; bể nước phòng cháy, chữa cháy và nước sinh hoạt khu bệnh xá; bổ sung hệ thống phòng cháy, chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chống sét.

b) Phần thiết bị: Bổ sung trang thiết bị chủ yếu cho nhà bệnh xá và nhà ở học viên nam...

9. Tổng vốn thực hiện dự án: 21.000.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.985.405.000 đồng;

- Chi phí thiết bị: 5.790.000.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 506.785.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.085.581.000 đồng;
- Chi phí khác: 723.138.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.909.091.000 đồng.

10. Cơ cấu nguồn vốn

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng); trong đó: 18.000.000.000 đồng đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch năm 2020 cho Dự án tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019; số vốn còn lại 2.000.000.000 đồng bố trí trong giai đoạn 2021-2025.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chủ trương bố trí từ nguồn dự phòng vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại Công văn số 96b/HĐNC-VP ngày 14/3/2019.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020-2021;

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của HĐND tỉnh;

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 08/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Cầu vượt sông
Krông Ana và đường hai đầu cầu nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 05a/QĐ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu, nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7;

Căn cứ Công văn số 707/HĐND-VP ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh nguồn vốn đầu tư dự án Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu, nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu nối Tỉnh lộ 2 với Tỉnh lộ 7.

2. Dự án nhóm: nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Krông Ana và huyện Lắk tỉnh Đắk Lắk.

6. Quy mô đầu tư: Đầu tư đoạn tuyến từ Km2+700 - Km3+825,5 (L=1,125km) với kết cấu mặt đường bê tông xi măng tương tự kết cấu mặt đường của dự án, gia cố lề kết cấu như tuyến chính; gia cố rãnh thoát nước dọc bằng tấm lát bê tông xi măng.

7. Tổng mức đầu tư: 120.293.038.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, không trăm ba mươi tám nghìn đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

* Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng giai đoạn 2016-2020: 4.020.000.000 đồng để chuẩn bị đầu tư dự án (theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

* Ngân sách tỉnh: 116.273.038.000 đồng. Trong đó:

- Giai đoạn 2016-2020: 71.513.038.000 đồng

+ Đã bố trí: 50.000.000.000 đồng

+ Bổ sung: 21.513.038.000 đồng

- Giai đoạn sau 2020: 44.760.000.000 đồng

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này, tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 05a/QĐ-HĐND ngày 30/3/2016 và Công văn số 707/HĐND-VP ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

9. Thời gian thực hiện: 2018-2021.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 09/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án
Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê, huyện Ea Súp
(đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rvê)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 55/HĐND-VP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê, huyện Ea Súp;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê, huyện Ea Súp (đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rvê); Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê, huyện Ea Súp (đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rvê), với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê, huyện Ea Súp (đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rvê)

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ia Lốp và xã Ia Rvê, huyện Ea Súp

6. Quy mô đầu tư:

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Chiều dài tuyến $L = 3.246\text{m}$ (kể cả phạm vi cầu dài 300m).

- Cấp thiết kế: Đường giao thông nông thôn cấp A.

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30\text{km/h}$.

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

- Hệ thống thoát nước: Tần suất thiết kế $P=4\%$, tải trọng thiết kế HL93.

- Phần cầu và đường hai đầu cầu:

+ Phần cầu chính: Tải trọng thiết kế: HL93; Khổ cầu: $K = 6,5\text{m}$, chiều rộng toàn cầu: $B_{tc} = 7,5\text{m}$; Tần suất thiết kế: $P = 1\%$; Khẩu độ cầu: $Lo \sim 99\text{ m}$.

+ Đường hai đầu cầu (phạm vi thiết kế khoảng 100m mỗi bên): Thiết kế mở rộng nền, mặt đường hai đầu cầu đảm bảo vượt nối vào cầu theo bề rộng mặt cầu, kết cấu mặt đường theo kết cấu tuyến chính.

- Hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

7. Tổng mức đầu tư: 45.668 triệu đồng (Bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Giai đoạn 2016-2020: 10 tỷ đồng (Mười tỷ đồng).

- Giai đoạn sau 2020: 35.668 triệu đồng (Ba mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng).

9. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2020-2022

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này, tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt (tại Số thứ tự 07, Phụ lục 1, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 10/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương và quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cư Elang, huyện Ea Kar

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương và quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cư Elang, huyện Ea Kar; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự án Khai hoang đồng ruộng và xây dựng hệ thống thủy lợi cánh đồng Ea Tlít, xã Cư Elang, huyện Ea Kar (Tại số thứ tự 05, Phụ lục 1, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh) để bổ

sung danh mục dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cur Elang, huyện Ea Kar vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cur Elang, huyện Ea Kar, với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cur Elang huyện Ea Kar.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cur Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

6. Mục tiêu đầu tư

- Nâng cấp, sửa chữa công trình đầu mối và hệ thống kênh mương để đảm bảo cấp nước tưới ổn định cho 50ha đất sản xuất của đồng bào dân tộc xã Cur Elang, huyện Ea Kar và góp phần đảm bảo an toàn công trình đầu mối về lâu dài.

- Đảm bảo quỹ đất sản xuất khoảng 20ha cho đối tượng dân di cư tái định cư trên địa bàn xã đặc biệt là các hộ thuộc thôn Lũng Quang (khoảng 33 hộ) và buôn Vân Kiều thuộc xã Cur Elang với tiêu chí cấp đạt $1.000\text{m}^2/1$ hộ.

7. Nội dung đầu tư và quy mô đầu tư:

- Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi); Công trình cấp III.

- Đập đất: Nâng cao trình đỉnh đập đất khoảng $2\div 3\text{m}$; bề rộng đỉnh đập $B=5\text{m}$, chiều dài đập khoảng 250m; mái thượng lưu gia cố bằng bê tông cốt thép, mái hạ lưu trồng cỏ. Chân đập bố trí thiết bị thoát nước.

- Tràn xả lũ: Sửa chữa, nâng cấp ngưỡng tràn kết cấu bằng bê tông cốt thép, bố trí cầu qua tràn để đảm bảo giao thông đi lại và sửa chữa vận hành.

- Cống lấy nước: Sửa chữa, nâng cấp cống, kết cấu bằng ống thép bọc BTCT. Chiều dài thân cống khoảng 60m.

- Kênh và công trình trên kênh: Sửa chữa kiên cố lại hệ thống kênh và công trình trên kênh bao gồm kênh chính (1.779,5m) và các tuyến kênh nhánh cấp 1 gồm N1 (320,52m); N3 (532,00m) và N10 (363,30m).

- San ủi đồng ruộng: San gạt đồng ruộng diện tích khoảng 20,9ha (Vị trí, phạm vi được xác định theo Biên bản ngày 23 tháng 4 năm 2020 do Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar và các bên có liên quan lập).

8. Tổng mức đầu tư dự án: 28.123 triệu đồng (Hai mươi tám tỷ, một trăm hai mươi ba triệu đồng).

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (Vốn điều chuyển từ dự án Khai hoang đồng ruộng và xây dựng hệ thống thủy lợi cánh đồng Ea Tlít, xã Cư Elang, huyện EaKar sang).

10. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2020-2022.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 ./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 11/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án
Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua
xã Vụ Bồn, huyện Krông Pách

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 9849/BKHĐT-TH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách;

Xét Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn, huyện Krông Pách; Báo cáo thẩm tra số 16 /BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn, huyện Krông Pách, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn, huyện Krông Pách.

2. Dự án nhóm: Nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Dự án thuộc địa bàn thôn Thăng Quý, thôn Phú Quý, thôn Vân Kiều, thôn 5 và thôn 13 xã Vụ Bồn, huyện Krông Pách, tỉnh Đắk Lắk.

6. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng công trình hạn chế những tác động tiêu cực của dòng chảy đối với cảnh quan môi trường dọc sông; khắc phục sạt lở bờ sông và xây dựng đê bao ngăn lũ tiểu mãn nhằm đảm bảo đất đai, cánh đồng ruộng lúa của các hộ dân, ổn định sản xuất cho cánh đồng Thanh Niên thôn Thăng Quý, Phú Quý, Vân Kiều với diện tích khoảng 100ha. Ổn định cuộc sống khoảng hơn 1000 hộ dân. Xây dựng cơ sở hạ tầng kết hợp giao thông nội vùng thuận lợi cho việc đi lại của người dân, có điều kiện giao thương và phát triển kinh tế góp phần ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất.

7. Quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Đầu tư xây dựng kè khắc phục sạt lở đoạn qua thôn 5 và thôn 13 có tổng chiều dài khoảng $L=2600m$ và đê bao ngăn lũ tiểu mãn đoạn qua thôn Thăng Quý thôn Phú Quý, thôn Vân Kiều có tổng chiều dài khoảng $L=3000m$.

7.1 Phân tích lựa chọn giải pháp kết cấu:

Kết cấu kè bảo vệ bờ sông Krông Pách đoạn qua thôn 5 và thôn 13.

- Kết cấu đỉnh kè: Bề mặt bê tông dày 20cm

- Kết cấu đỉnh kè: Bề mặt bê tông dày 20cm

- Kết cấu thân kè: bằng tấm lát âm dương trong khung dầm bằng bê tông cốt thép, phía dưới lót hỗn hợp đá 1x2 và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Đất đắp thân kè được đầm chặt $K \geq 0.95(T/m^3)$.

- Kết cấu chân kè: bằng ống buy $D1100mm$, $L=2,0m$, đổ đá hộc bên trong và gia cố bằng rọ đá lưới thép kết hợp đá hộc thả rời phía sông.

7.2 Kết cấu đê bao ngăn lũ Suối Krông Búk đoạn qua thôn Thăng Quý, thôn Phú Quý, thôn Vân Kiều

- Kết cấu đỉnh: kết hợp giao thông nội vùng bằng bê tông dày 18cm.

- Kết cấu mái đê: Gia cố mái bằng bê tông đổ tại chỗ, dày 12cm.

- Bề rộng đỉnh đê phần bê tông: $B=5m$.

- Chiều cao đê lớn nhất: $H = 3,0m$;

- Hệ số mái $m=2$.

8. Tổng mức đầu tư dự án: 128.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám tỷ đồng chẵn); trong đó:

- Chi phí GPMB	4.000.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	101.200.000.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	1.753.000.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.026.000.000	đồng;
- Chi phí khác	3.728.000.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	11.293.000.000	đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2022.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Quá trình phê duyệt dự án đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo lựa chọn hạng mục cần thiết của dự án để ưu tiên đầu tư phù hợp với việc phân bổ vốn hàng năm của dự án, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 12 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Quyết định chủ trương đầu tư dự án;
bổ sung danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BÁT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án; bổ sung danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk, với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk
2. Nhóm dự án: Nhóm C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Đường Cao Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

6. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo đủ chỗ làm việc cho cán bộ nhân viên của Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk.

- Đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất cho hoạt động của Trung tâm.

- Góp phần hoàn thiện cảnh quan kiến trúc khu vực đô thị Đông Bắc thành phố Buôn Ma Thuột, đảm bảo mỹ quan đô thị và phù hợp với các công trình kiến trúc xung quanh.

7. Quy mô đầu tư:

a) Hình thức đầu tư: Xây dựng mới Trụ sở.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

Công trình xây dựng trên khu đất có diện tích 1.459,3 m², bao gồm các hạng mục:

- Nhà làm việc: Xây dựng mới nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng +01 hầm. Diện tích xây dựng 626 m², diện tích sàn 1.284 m².

- Nhà bảo vệ: Xây dựng mới nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng. Diện tích xây dựng 09 m².

- Hạ tầng kỹ thuật: Cổng tường rào, sân đường nội bộ, bồn hoa cây xanh, hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, cấp thoát nước ngoài nhà, phòng cháy chữa cháy.

8. Tổng mức đầu tư: 14.975.592.000 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Năm 2020: 5.827.000.000 đồng;

- Sau năm 2020: 9.148.592.000 đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

10. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2020-2022.

Điều 2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách địa phương như sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và bố trí vốn cho 02 dự án sau:

- Dự án cải tạo Sở Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, với số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 6.350 triệu đồng;

- Dự án Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, với số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 5.827 triệu đồng;

2. Bổ sung nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương từ nguồn thu tiền bán trụ sở là 5.827 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH***(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch Trung hạn 2016-2020		Kế hoạch Trung hạn 2016-2020 sau bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số: NST	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số: NST	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách khác					
	TỔNG CỘNG				60,475	31,325	29,150	10,000	10,000	16,350	22,177	
	An ninh quốc phòng				45,500	16,350	29,150	10,000	10,000	16,350	16,350	-
1	Cải tạo Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	BCH BĐBP tỉnh	225/QĐ-BQP 26/01/2015	45,500	16,350	29,150	10,000	10,000	16,350	16,350	
	Quản lý nhà nước				14,975	14,975		-	-	-	5,827	
1	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh		14,975	14,975				-	5,827	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 13 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Mở rộng, nâng cấp
Tỉnh lộ 2, đoạn từ Km0 - Km6+431, thành phố Buôn Ma Thuột**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của HĐND tỉnh về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 601/HĐND-VP ngày 26 tháng 10 năm 2018 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ Km0 - Km6+431, thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ Km0 - Km6+431, thành phố Buôn Ma Thuột; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ Km0 - Km6+431, thành phố Buôn Ma Thuột, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ Km0 - Km6+431, thành phố Buôn Ma Thuột

2. Nhóm dự án: Nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quy mô đầu tư:

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

- Phân loại đường phố: Đường chính đô thị, đường liên khu vực.

- Đoạn từ Km0 - Km0+433,21: Bề rộng nền đường: $B_n = 11,1\text{m}$; bề rộng mặt đường: $B_m = 10,5\text{m}$ (phần mặt bê tông nhựa: $B_{m\text{BTN}} = 9,9\text{m}$, phần gờ bó vỉa bê tông 2 bên: $0,3\text{m} \times 2\text{bên} = 0,6\text{m}$).

- Đoạn từ Km0+433,21 - Km6+431: Bề rộng nền đường: $B_n = 9\text{m}$; bề rộng mặt đường: $B_m = 6\text{m}$; bề rộng lề đường: $B_l = 1,5\text{m} \times 2\text{bên} = 3\text{m}$ (bề rộng phần lề gia cố: $B_{lgc} = 1\text{m} \times 2\text{bên} = 2\text{m}$, bề rộng phần lề đắp đất: $B_{ld\text{đt}} = 0,5\text{m} \times 2\text{bên} = 1\text{m}$).

- Kết cấu mặt đường:

+ Đối với các đoạn qua cánh đồng lúa $L_d = 2.441,95\text{m}$ (từ đoạn Km0+433,21 - Km2+300,00; Km2+646,67 - Km3+054,65 và Km5+455,77 - Km5+622,95) áp dụng kết cấu áo đường bê tông xi măng thì giữ nguyên kết cấu theo hồ sơ đã được phê duyệt.

+ Đối với các đoạn áp dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa thì bổ sung tưới nhựa đường dính bám TC $0,5 \text{ Kg/m}^2$ và thêm 1 lớp bê tông nhựa chặt (BTNC 9,5) dày 6cm trên lớp kết cấu áo đường theo hồ sơ đã được phê duyệt để đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$.

- Công trình Cầu số 01 tại vị trí Km4+591,93: Xây dựng cầu mới với khẩu độ nhịp $L = 18\text{m}$, bề rộng mặt cầu: $B = 14\text{m} + 0,5\text{m} \times 2\text{bên} = 15\text{m}$.

- Công trình thoát nước: Tải trọng thiết kế HL93

- Công trình phòng hộ và an toàn giao thông.

6. Tổng mức đầu tư: 95.703 triệu đồng (Chín mươi lăm tỷ, bảy trăm linh ba triệu đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Giai đoạn 2016-2020: 65.000 triệu đồng

+ Đã bố trí 30.000 triệu đồng

+ Bổ sung: 35.000 triệu đồng

- Sau năm 2020: 30.703 triệu đồng

8. Hình thức đầu tư: Mở rộng, nâng cấp.

9. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2019-2022.

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này, tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt tại Công văn số 601/HĐND-VP ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Lắc Khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 14 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư dự án Định canh định cư
cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-CSĐT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban dân tộc về việc thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 8472/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1472/UBND-CSĐT ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban dân tộc V/v triển khai vốn đầu tư thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, hạng mục: Đường giao thông từ trung tâm xã vào vùng dự án; Đường giao thông đi khu sản xuất; San nền khu dân cư, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, hạng mục: Đường giao thông từ trung tâm xã vào vùng dự án;

Đường giao thông đi khu sản xuất; San nền khu dân cư

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk.

6. Mục tiêu đầu tư:

- Đẩy mạnh công tác định canh, định cư cho các hộ dân là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ cư trú tại các buôn Kon Tây, Cư Drang, Kon H'rinh, Ea Mao và buôn Kon Wang hiện có nhu cầu giãn dân tách hộ cần được định canh, định cư để ổn định đời sống và phát triển sản xuất, hướng đến hoàn thành các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới cho xã Ea Yiêng (xã vùng III thuộc diện đặc biệt khó khăn của huyện - Công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn rộng lớn, nhân dân trong vùng là đồng bào dân tộc thiểu số, không thể huy động sức dân được nhiều như tại các địa phương khác).

- Hình thành nên một khu dân cư có đầy đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phục vụ xóa đói giảm nghèo, ổn định và phát triển kinh tế - an sinh xã hội, đảm bảo và giữ gìn an ninh trật tự, quốc phòng trên địa bàn.

7. Quy mô đầu tư dự án:

- Đường giao thông trục chính từ khu trung tâm xã vào đến vùng dự án L=4,764Km; Mặt 5,5m, nền 6,5m; bê tông xi măng M300 dày 24Cm; Đoạn từ Km0+00-Km2+764 Gia cố lề Bề=1,00 m*2bên=2m kết cấu như mặt đường chính.

- Đường giao thông từ vùng dự án đi khu sản xuất nông nghiệp: Mặt đường cấp phối tự nhiên (CPTN) phủ trùn lè dày 20cm; độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$; mặt đường rộng trung bình 5,0m; hệ thống thoát nước và an toàn giao thông.

- San nền khu dân cư: Diện tích $S=5,544$ ha theo cao độ quy hoạch; bố trí rãnh thu nước bằng bê tông, bê tông cốt thép.

8. Tổng mức đầu tư: 35.882.760.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó:

Chi phí xây dựng: 31.331.804.000 đồng;

Chi phí quản lý dự án: 880.474.000 đồng;

Chi phí tư vấn : 1.965.806.000 đồng;

Chi phí khác: 301.980.000 đồng;

Chi phí dự phòng: 1.402.696.000 đồng.

9. Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2020: 32.032 triệu đồng theo Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020.

- Ngân sách huyện Krông Pắc đối ứng:

+ Năm 2021: 2.000 triệu đồng.

+ Năm 2022: 1.850,76 triệu đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2020-2022.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 15/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thị trấn Quảng Phú,
huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại IV**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại IV; Báo cáo thẩm tra số 09/BC-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án đề nghị thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại IV, với các nội dung cụ thể sau:

1. Kết quả đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị:

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Thang điểm tối đa- tối thiểu	Tổng số Điểm đạt
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	20-15	19,00
II	Quy mô dân số	8-6	7,53
III	Mật độ dân số	6-4,5	6,00
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	6-4,5	6,00

V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	60-45	50,21
	Tổng cộng theo bảng điểm	100-75	88,74

Đôi chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị thì thị trấn Quảng Phú đã đạt được các tiêu chí đô thị loại IV, với tổng điểm là: 88,74 điểm (*với khung điểm quy định là từ 75-100 điểm*).

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu xây dựng và phát triển đô thị Quảng Phú.

- Tiếp tục tập trung thu hút đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế xã hội, chỉnh trang đô thị để bổ sung, hoàn chỉnh và nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị.

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch chung đô thị Quảng Phú, hoàn thành quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng, công bố và quản lý thực hiện quy hoạch.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt quy chế quản lý đô thị, trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường gắn với việc xây dựng đô thị văn minh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Xây dựng thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Bất thường thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng